

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bạch Mai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, giá dự toán các vật tư, hóa chất xét nghiệm. Nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bạch Mai
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai, SĐT: 0243.86886390
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại bộ phận Văn thư - Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai
- Địa chỉ: Bộ phận Văn thư – Văn phòng Bệnh viện – Bệnh viện Bạch Mai, số 78 đường Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- Nhận qua email: Vanphongbvbm.vt@bachmai.edu.vn. Hoặc:
- Nhận qua fax: 0243.8691607
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 07 tháng 8 năm 2024 đến ngày 21 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: 120 ngày kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục trang thiết bị y tế: Chi tiết theo các phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, bảo hành và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.
- Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng từng đợt ≤ 05 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện Bạch Mai.
- Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:
 - Đồng tiền thanh toán: VNĐ
 - Thanh toán: theo số lượng giao hàng thực tế hàng tháng tại Bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

+ Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Bảng giá: Mẫu số 01

- Bảng đáp ứng yêu cầu mời báo giá: Mẫu số 02

- Tài liệu kỹ thuật có liên quan:

+ Catalogue bản tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bản in

+ Chứng nhận chất lượng ISO 13485, ISO 9001 và tiêu chuẩn CE, FDA: 01 bản in.

+ 01 USB chứa nội dung tài liệu kỹ thuật có liên quan

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTTBYT.

GIÁM ĐỐC



Đào Xuân Cơ

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 409/BM-VTTTBYT ngày 07. tháng 8... năm 2023)

CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ

Mẫu số 01

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Bạch Mai

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bạch Mai, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] – Mã số thuế:

Báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

ST T	STT theo thứ chào giá	Danh mục trang thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, model, ⁽³⁾	Hãng sản xuất	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	IVD ⁽¹³⁾
1	1	Hàng hóa A													
2	2	Hàng hóa B													
n		...													

- Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật;
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: tối thiểu 120 ngày kể từ ngày tháng năm 2024;
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng từng đợt ≤ 05 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện Bạch Mai;
- Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Thanh toán: theo số lượng giao hàng thực tế hàng tháng tại Bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các trang thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

7. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: *[ghi rõ thông tin người phụ trách làm báo giá]*

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại trang thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể xuất xứ của trang thiết bị y tế.

- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng trang thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế. Đối với các trang thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của trang thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hàng hóa là IVD/RUO/LUO/Không phải là trang thiết bị y tế

BẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Kèm theo báo giá ngày)

Tên công ty:

STT	STT theo Thư mời chào giá	Danh mục trang thiết bị y tế (2)	Yêu cầu mời chào giá	Đáp ứng chào giá			Tài liệu tham chiếu (2)
				Ký, Mã hiệu	Hãng, nước SX	Thông số kỹ thuật (1)	
1		Hàng hóa A					
2		Hàng hóa B					
							

(1) Ghi chính xác thông số kỹ thuật theo đúng thông số của hàng hóa chào giá

(2) Chỉ dẫn tài liệu (bản cứng hoặc bản mềm) chứng minh thông số kỹ thuật hàng hóa chào giá

PHỤ LỤC 2

Danh mục chi tiết

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
1	Hóa chất xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi tự động					
1.1	Dung dịch pha loãng máu toàn phần	Lít	27.200	Dung dịch đậm pha loãng dùng trong đếm tế bào và định cỡ các tế bào máu Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
1.2	Dung dịch ly giải hồng cầu đo Hemoglobin	Lít	500	Dung dịch ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin trong máu toàn phần Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
1.3	Dung dịch ly giải hồng cầu đếm các thành phần bạch cầu	Lít	540	Dung dịch ly giải cho xét nghiệm Tế bào máu ngoại vi và phân tích các thành phần bạch cầu. Ly giải được hồng cầu và không phá hủy bạch cầu Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	Yêu cầu dịch vụ liên quan: Cung cấp hệ thống phân tích tế bào máu ngoại vi tự động có xuất xứ các nước G7. - Bao gồm: hệ thống phân phối mẫu và lưu mẫu tự động, - Tổng công suất hệ thống phân tích tế bào máu ngoại vi tự động: ≥ 600 mẫu/giờ - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Kết nối LIS
1.4	Dung dịch rửa hệ thống phân tích huyết học tự động	Lít	720	Dung dịch rửa máy cho xét nghiệm Tế bào máu ngoại vi Phân hủy được protein Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
1.5	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	ml	1300	Xác nhận và theo dõi sự hoạt động của máy bằng cách cung cấp các phép đo đếm số lượng các thành phần tế bào máu , định cỡ, xác định hemoglobin, đếm NRBC, và	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				phân biệt tế bào bạch cầu ở 3 mức: bất thường thấp, bình thường, bất thường cao Đạt tiêu chuẩn IVD		
2	Hóa chất xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi tự động hoàn toàn, Huyết đồ tự động hoàn toàn					
2.1	Dung dịch pha loãng máu toàn phần	Lít	13.600	Hoá chất pha loãng máu toàn phần dùng cho máy phân tích huyết học Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	Yêu cầu dịch vụ liên quan: Cung cấp hệ thống phân tích tế bào máu ngoại vi tự động có xuất xứ G7: - Bao gồm: hệ thống kéo lam và nhuộm lam máu tự động, hệ thống phân phối mẫu và lưu mẫu tự động. - Tổng công suất hệ thống phân tích tế bào máu ngoại vi tự động: ≥ 400 mẫu/giờ - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận điện khay chứa mẫu - Kết nối LIS
2.2	Hóa chất ly giải hồng cầu đo Hemoglobin	Lít	615	Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
2.3	Hóa chất đếm các thành phần bạch cầu trong máu	Lít	1.016	Bao gồm các hóa chất riêng biệt hoặc tích hợp để thực hiện các yêu cầu sau: - Ly giải hồng cầu - Phân biệt và đếm số lượng các thành phần bạch cầu: ái kiềm, lympho, mono, ưa acid, hồng cầu có nhân Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
2.4	Dung dịch pha loãng để đo hồng cầu lưới	Lít	20	Dung dịch pha loãng để đo hồng cầu lưới trong xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi tự động hoàn	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				toàn Đạt tiêu chuẩn IVD		
2.5	Hóa chất nhuộm hồng cầu lưới	ml	800	Hóa chất nhuộm các tế bào hồng cầu lưới trong các mẫu máu pha loãng để xác định số lượng và tỉ lệ % hồng cầu lưới Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
2.6	Dung dịch rửa hệ thống phân tích huyết học tự động	ml	8000	Dung dịch tẩy rửa để loại bỏ các chất phản ứng hoặc dư lượng tế bào và các protein Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
2.7	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi tự động hoàn toàn	ml	300	Chất chuẩn bao gồm các mức: - Mức bình thường - Mức thấp - Mức cao Các mức bao gồm các hóa chất để thực hiện kiểm soát đồng thời các phép đo bao gồm: công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu có nhân (NRBC) Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
2.8	Dung dịch nhuộm Giemsa trong xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi tự động hoàn toàn	lít	100	Dung dịch nhuộm Wright Giemsa sử dụng cho hệ thống kéo lam và nhuộm lam máu tự động	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
2.9	Dung dịch đệm dùng cho nhuộm Giemsa trong xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi tự động hoàn toàn	lít	1.000	Dung dịch đệm dùng cho nhuộm Giemsa	Không yêu cầu	
2.10	Lam kính máu cho hệ thống kéo lam và nhuộm lam máu tự động	Cái	70.000	Lam kính máu sử dụng cho hệ thống kéo lam và nhuộm lam máu tự động	Không yêu cầu	
3	Hóa chất cho bộ xét nghiệm đông máu trong tiền phẫu, xét nghiệm định lượng hoạt tính yếu tố đông máu, các xét nghiệm đánh giá giai đoạn tiêu sợi huyết trên hệ thống phân tích đông máu tự động					
3,1	Hóa chất Xác định thời gian prothrombin (PT) và định lượng hoạt tính các yếu tố đông máu ngoại sinh	ml	12.800	Hóa chất đo thời gian PT tự động Thành phần: Thromboplastin có nguồn gốc từ nhau thai người hoặc tương đương Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	Yêu cầu khác: Cung cấp hệ thống phân tích đông máu tự động có xuất xứ G7: - Thực hiện được tối thiểu bộ xét nghiệm đông máu cơ bản, xét nghiệm định lượng hoạt tính yếu tố đông máu, các xét nghiệm đánh giá giai đoạn tiêu sợi huyết - Đáp ứng được tối thiểu các phép đo: phương pháp phân tích điểm đông, phương pháp soi màu, phương pháp miễn dịch - Có chế độ kiểm tra tiền phân tích: kiểm tra thể tích mẫu, màu sắc huyết tương (huyết tán, huyết tương đục...) - Công suất khi chạy đồng thời 2 xét
3,2	Hóa chất Xác định thời gian kích hoạt một phần thromboplastin (APTT) và định lượng hoạt tính các yếu tố đông máu nội sinh	ml	6.000	Chất kích hoạt axit ellagic và phospholipid chiết xuất từ đậu nành hoặc tương đương Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,3	Định lượng fibrinogen trong huyết tương	ml	6000	Thrombin bò đông khô hoặc tương đương Độ lặp lại: $CV \leq 6\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
3,4	Hóa chất bổ sung ion canxi cho các xét nghiệm đông máu khác nhau	ml	7500	Hóa chất bổ sung ion canxi cho các xét nghiệm đông máu khác nhau Có bao gồm: Dung dịch CaCl ₂ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	nghiệm PT, APTT đạt tối đa ≥ 300 xét nghiệm/giờ - Nạp mẫu liên tục và tự động nhận diện khay chứa mẫu - Có bộ quét mã thuốc thử trên máy - Kết nối LIS
3,5	Dung dịch đệm pha loãng cho các xét nghiệm đông máu	ml	12.000	Dung dịch đệm pha loãng cho các xét nghiệm đông máu pH 7.25-7.45 Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,6	Dung dịch rửa kim hút mẫu và kim hút thuốc thử	ml	10.000	Thành phần: sodium hypochloride 1.0% Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,7	Chất chuẩn dài bình thường cho các xét nghiệm đông máu thường quy và định lượng yếu tố đông máu	ml	260	Hóa chất kiểm chuẩn dài bình thường cho các xét nghiệm tối thiểu gồm : APTT, PT, TT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, Plasminogen Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,8	Chất chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu thường quy và định lượng yếu tố đông máu	ml	260	Hóa chất kiểm chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm tối thiểu APTT, PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, Plasminogen. Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,9	Hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đông máu và tiêu sợi huyết	ml	30	Hiệu chuẩn được cho các xét nghiệm tối thiểu gồm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mới chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
3,10	Cóng phản ứng dùng để chứa mẫu và hóa chất cho xét nghiệm đông máu	Cái	540.000	Cóng phản ứng cho xét nghiệm đông máu tự động	Không yêu cầu	
3,11	Cóng đựng hóa chất dùng cho máy đông máu	Cái	1.600	Cóng đựng hóa chất dùng cho máy đông máu	Không yêu cầu	
3,12	Hóa chất Xác định thời gian thrombin trong huyết tương người	ml	150	Hóa chất Xác định thời gian thrombin trong huyết tương người Thành phần: thrombin bò Độ lặp lại: $CV \leq 7\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,13	Hóa chất chẩn đoán xác định các hoạt động của các yếu tố đông máu II	ml	48	Hóa chất chẩn đoán xác định các hoạt động của yếu tố đông máu II Mẫu đo: Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 11\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,14	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu V	ml	48	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu V Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại(%): $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,15	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu VII	ml	54	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu VII Mẫu đo: Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 11\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
3,16	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu X	ml	42	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu X Mẫu đo: Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 11\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,17	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu VIII	ml	48	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu VIII Mẫu đo: Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 14\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,18	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu IX	ml	48	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu IX Mẫu đo: Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 14\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,19	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu XI	ml	36	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu XI Mẫu đo: Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 14\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,20	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu XII	ml	24	Hóa chất xác định các hoạt động của yếu tố đông máu XII Mẫu đo: Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 14\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
3,21	Hóa chất định lượng vWF: Ag	ml	20	Hóa chất định lượng vWF:Ag Mẫu đo: huyết tương chống đông Độ lặp lại (%): $CV \leq 6\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
3,22	Hóa chất Xác định hoạt động sinh học của plasminogen giúp cho việc chẩn đoán và theo dõi các rối loạn tiêu sợi huyết	ml	18	Hóa chất Xác định định lượng hoạt động sinh học của plasminogen giúp cho việc chẩn đoán và theo dõi các rối loạn tiêu sợi huyết Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4	Hóa chất xét nghiệm đông máu cơ bản, xét nghiệm phát hiện kháng đông lupus, xét nghiệm hoạt tính các chất kháng đông sinh lý, các xét nghiệm theo dõi điều trị thuốc chống đông					Yêu cầu khác: Cung cấp hệ thống phân tích đông máu tự động có xuất xứ G7: - Thực hiện được tối thiểu các xét nghiệm đông máu cơ bản, xét nghiệm phát hiện kháng đông lupus, xét nghiệm hoạt tính các chất kháng đông sinh lý, các xét nghiệm theo dõi điều trị thuốc chống đông - Đáp ứng được tối thiểu các phép
4.1	Hóa chất đo thời gian PT tự động	ml	20.000	Hóa chất đo thời gian PT tự động Thành phần: yếu tố mô người tái tổ hợp hoặc tương đương Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.2	Hóa chất đo thời gian APTT-nhạy với kháng photpholipid	ml	16.000	Thành phần gồm silica và phospholipid tổng hợp hoặc tương đương, nhạy với kháng đông lupus	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu môi trường	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD		đo: phương pháp phân tích điểm đông, phương pháp soi màu, phương pháp miễn dịch - Có chế độ kiểm tra tiền phân tích: kiểm tra thể tích mẫu, màu sắc huyết tương (huyết tán, huyết tương đục...) - Công suất khi chạy đồng thời 2 xét nghiệm PT, APTT đạt tối đa ≥ 300 xét nghiệm/giờ - Nạp mẫu liên tục và nhận diện khay chứa mẫu - Vị trí đặt hóa chất: ≥ 40 vị trí - Có bộ quét mã thuốc thử trên máy - Kết nối LIS
4.3	Hóa chất đo thời gian APTT- không nhạy với kháng photpholipid	ml	3.000	Thành phần gồm silica và phospholipid tổng hợp hoặc tương đương Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.4	Hóa chất định lượng fibrinogen	ml	6.500	Hóa chất định lượng fibrinogen Thành phần: thrombin bù đông khô, đệm và chất ổn định. Độ lặp lại: $CV \leq 8\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.5	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các xét nghiệm đông máu	ml	360	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho tối thiểu các xét nghiệm: PT, APTT, TT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, yếu tố von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Protein C, Protein S Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.6	Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm đông máu	ml	360	Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho tối thiểu các xét nghiệm: PT, APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein C,	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Protein S... Đạt tiêu chuẩn IVD		
4.7	Chất hiệu chuẩn dùng cho các xét nghiệm đông máu	ml	30	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đông máu tối thiểu bao gồm: Fibrinogen, các loại yếu tố đông máu, yếu tố von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Protein C, Protein S. Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.8	Hóa chất xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng đông Lupus	ml	400	Hóa chất XN sàng lọc phát hiện kháng đông Lupus Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.9	Hóa chất xét nghiệm kháng định phát hiện kháng đông Lupus	ml	400	Hóa chất XN kháng định phát hiện kháng đông Lupus Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.10	Chất kiểm chứng mức âm tính cho XN kháng đông Lupus	ml	30	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng đông Lupus (LA) Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.11	Chất kiểm chứng mức dương tính cho XN kháng đông Lupus	ml	30	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN kháng đông Lupus	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá (LA)	Xuất xứ	Yêu cầu khác
4.12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein S tự do	ml	900	Hóa chất XN định lượng Protein S tự do Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại(%): $CV \leq 6\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein C	ml	450	Hóa chất XN định lượng Protein C Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Antithrombin	ml	140	Hóa chất XN định lượng Antithrombin Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.15	Hóa chất xét nghiệm định lượng yếu tố XIII	ml	75	Hóa chất XN định lượng yếu tố XIII Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại(%): $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti Xa	ml	500	Hóa chất xét nghiệm định lượng Heparin. Mẫu đo: Huyết tương chống đông	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD		
4.17	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti Xa	ml	10	Xây dựng được đường chuẩn cho xét nghiệm định lượng Anti Xa Dạng đông khô Nguồn gốc: Huyết tương người Bao gồm: heparin ở các mức nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.18	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Anti Xa	ml	30	Kiểm tra được chất lượng xét nghiệm xác định Heparin trong lượng phân tử thấp trong dải đo thấp và dải đo cao. Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.19	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Rivaroxaban	ml	30	Xây dựng được đường chuẩn cho XN định lượng Rivaroxaban Bao gồm chất chuẩn ở các nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.20	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Rivaroxaban	ml	30	Chất kiểm chứng cho XN định lượng Rivaroxaban Bao gồm chất chứng ở các nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
4.21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Dabigatran	ml	45	Xây dựng được đường chuẩn cho xét nghiệm định lượng Dabigatran Bao gồm chất chuẩn ở các nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.22	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Dabigatran	ml	30	Kiểm tra được chất lượng xét nghiệm định lượng Dabigatran. Bao gồm chất chứng ở các nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Dabigatran	ml	75	Hóa chất cho XN định lượng Dabigatran Mẫu đo: Huyết tương chống đông Độ lặp lại(%): $\leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.24	Hóa chất pha loãng mẫu	ml	22.000	Hóa chất pha loãng mẫu bệnh phẩm, chất hiệu chuẩn và chất kiểm chứng Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.25	Dung dịch làm sạch và tẩy nhiễm máy xét nghiệm đông	ml	12.000	Hóa chất dung dịch làm sạch và tẩy nhiễm máy xét nghiệm đông máu Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.26	Dung dịch làm sạch máy xét nghiệm đông máu tự động	ml	105.000	Hóa chất dung dịch làm sạch cho máy xét nghiệm đông máu. Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
4.27	Dung dịch rửa máy xét nghiệm đông máu tự động	Lít	2880	Hóa chất dung dịch dùng để rửa cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.28	Công phản ứng cho hệ thống xét nghiệm phân tích đông máu tự động	Cái	960.000	Công phản ứng cho hệ thống xét nghiệm phân tích đông máu tự động	Các nước G7	
4.29	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer	ml	9.000	Hóa chất XN định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục. Có bao gồm chất hiệu chuẩn. Mẫu đo: Huyết tương chống đông Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
4.30	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	ml	50	Chất kiểm chứng cho XN định lượng D-Dimer Bao gồm: Các chất kiểm chứng ở các nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
5	Hóa chất xét nghiệm hóa chất đông máu cơ bản cho mẫu máu huyết tương đục					
5.1	Hóa chất xét nghiệm PT cho mẫu máu huyết tương đục	ml	14.400	Hóa chất xét nghiệm PT cho mẫu máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ	Không yêu cầu	Yêu cầu khác: Cung cấp hệ thống phân tích đông máu tự động: - Đáp ứng được tối thiểu phép đo: phương pháp phân tích điểm đông bằng nguyên lý cơ từ
5.2	Hóa chất xét nghiệm APTT cho mẫu máu huyết tương đục	ml	7.200	Hóa chất xét nghiệm APTT cho mẫu máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
5.3	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen cho mẫu máu huyết tương đục	ml	3.120	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen cho mẫu máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ	Không yêu cầu	- Thực hiện được tối thiểu các xét nghiệm đông máu cơ bản: PT, APTT, FIBRINOGEN - Công suất khi chạy đồng thời các xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen đạt tối đa ≥ 200 xét nghiệm/giờ - Nạp mẫu liên tục và nhận điện khay chứa mẫu - Có bộ quét mã thuốc thử trên máy - Kết nối LIS
5.4	Dung dịch canxi cho mẫu máu huyết tương đục	ml	5.400	Dung dịch canxi thành phần CaCl ₂ 0.025M dùng cho xét nghiệm APTT trên mẫu máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ	Không yêu cầu	
5.5	Dung dịch pha loãng mẫu máu huyết tương đục	ml	11.520	Dung dịch pha loãng mẫu trong các xét nghiệm đông máu cho mẫu máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ	Không yêu cầu	
5.6	Dung dịch rửa kim cho mẫu máu huyết tương đục	ml	27.000	Dung dịch rửa kim hệ thống xét nghiệm đông máu cho mẫu máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ	Không yêu cầu	
5.7	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu cho mẫu máu huyết tương đục	ml	1.152	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu cho mẫu máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ Kiểm chuẩn được cho tối thiểu các xét nghiệm: thời gian prothrombin (PT), thời gian hoạt hóa từng phần thromboplastin (APTT), fibrinogen, thời gian thrombin (TT)	Không yêu cầu	
5.8	Dung dịch rửa máy chạy mẫu máu huyết tương đục	ml	900.000	Dung dịch rửa hệ thống xét nghiệm đông máu chạy mẫu	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				máu huyết tương đục theo nguyên lý cơ từ		
5.9	Cồng phản ứng kèm bi từ	cái	216.000	Cồng phản ứng kèm bi từ sử dụng trong các xét nghiệm đông máu cho mẫu huyết tương đục bằng nguyên lý cơ từ Cồng bằng nhựa sử dụng 1 lần, có bi bằng thép không rỉ bên trong	Không yêu cầu	
6	Hóa chất định lượng D-Dimer	ml	40	Hóa chất định lượng D-Dimer bằng phương pháp miễn dịch hóa phát quang Độ lặp lại (%): $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
7	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	ml	45	Kiểm tra được chất lượng xét nghiệm D-Dimer bằng phương pháp miễn dịch hóa phát quang Bao gồm: Các nồng độ D-Dimer ở các mức nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
8	Hóa chất rửa đường ống và kim hút	Lít	175	Hóa chất rửa đường ống và kim hút trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang Dạng lỏng Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
9	Hóa chất xúc tác phản ứng phát quang	Lít	17,5	Hóa chất xúc tác phản ứng cho xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang tự động Dạng lỏng Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
10	Cóng phản ứng	Cái	1400	Cóng phản ứng dùng trên xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang huyết học tự động Dạng cồng rời.	Không yêu cầu	
11	Hóa chất tẩy rửa cho hệ thống miễn dịch hóa phát quang	ml	2000	Hóa chất làm sạch máy miễn dịch hóa phát quang. Hóa chất đóng gói dạng lỏng. Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
12	Dung dịch hiệu chuẩn cho xét nghiệm tế bào cận nước tiểu	ml	2.000,00	Dung dịch hiệu chuẩn cho xét nghiệm tế bào cận nước tiểu Là dạng huyền phù của hồng cầu người Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
13	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm tế bào cận nước tiểu	ml	2.000,00	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm tế bào cận nước tiểu Là dạng huyền phù của hồng cầu người Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
14	Dung dịch pha loãng mẫu và rửa hệ thống xét nghiệm nước tiểu	ml	5.700,00	Làm loãng mẫu nước tiểu, dịch cơ thể, rửa hệ thống để tránh nhiễm chéo. Thành phần: muối, nước, chất bảo quản Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
15	Dung dịch dùng cho xét nghiệm tế bào cận nước tiểu	Lít	840	Định vị được thủy động dòng mẫu xét nghiệm trong phạm vi độ sâu tiêu cự của thấu kính trên kính hiển vi Rửa và làm ướt được các thành phần có trong mẫu Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
16	Dung dịch làm sạch máy phân tích nước tiểu	Lít	6	Ngăn ngừa được tích tụ của chất lỏng dư thừa trong hệ thống Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
17	Bộ kit đếm số lượng CD4 trong máu bệnh nhân HIV trên hệ thống tế bào dòng chảy	Test	5000	Bộ kit đếm số lượng CD4 trong máu bệnh nhân HIV trên máy đếm tế bào dòng chảy Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
18	Bộ kit đếm tỉ lệ phần trăm CD4 trong máu bệnh nhân HIV trên hệ thống tế bào dòng chảy	Test	5000	Bộ kit đếm tỉ lệ phần trăm CD4 trong máu bệnh nhân HIV trên máy đếm tế bào dòng chảy Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
19	Hóa chất kiểm soát chất lượng và cài đặt chuẩn cho hệ thống tế bào dòng chảy	ml	125	Hóa chất kiểm soát chất lượng và cài đặt chuẩn cho máy đếm tế bào dòng chảy Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
20	Dung dịch dẫn dòng tế bào trên hệ thống tế bào dòng chảy	Lít	250	Dung dịch có chức năng đảm bảo mẫu đưa vào máy đếm tế bào dòng chảy sẽ chạy dưới sự tập trung thủy động lực học. Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
21	Dung dịch tẩy rửa đường ống hệ thống tế bào dòng chảy	ml	2500	Dung dịch để làm sạch và loại bỏ các mảnh trong đường đi của mẫu trong máy đếm tế bào dòng chảy Bao gồm: chất làm ẩm, dung dịch đệm, chất bảo quản Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
22	Dung dịch khử nhiễm cho hệ thống tế bào dòng chảy	ml	2500	Dung dịch vệ sinh đường dẫn mẫu của máy đếm tế bào dòng chảy bằng cách giảm protein dư Bao gồm: chất phân giải protein, dung dịch đệm, chất bảo quản Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
23	Dung dịch làm sạch và giảm cặn bẩn đường ống hệ thống tế bào dòng chảy	ml	6250	Dung dịch vệ sinh đường dẫn mẫu bằng cách giảm phần dư máu và protein có thể còn lại từ lần đo mẫu trước đó trong máy đếm tế bào dòng chảy Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
24	Bộ lọc dùng cho hệ thống tế bào dòng chảy	Cái	300	Bộ lọc dùng 1 lần cho máy đếm tế bào dòng chảy	Không yêu cầu	
25	Dung dịch phân tách tế bào đơn nhân từ máu ngoại vi, dịch tủy xương	ml	2500	Dung dịch phân tách tế bào đơn nhân từ máu ngoại vi, dịch tủy xương	Không yêu cầu	
26	Kit phát hiện đột biến gen JAK2 trên exon 12 ở DNA người bằng phương pháp Realtime-PCR	test	750	Kit phát hiện đột biến gen JAK2 trên exon 12 ở DNA người bằng phương pháp Realtime-PCR Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
27	Kit phát hiện phân biệt thể thường với đột biến alen MPL (exon 10-W515 L/K) bằng phương pháp Realtime-PCR	test	750	Kit phát hiện phân biệt thể thường với đột biến alen MPL (exon 10-W515 L/K) bằng phương pháp Realtime-PCR Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
28	Hóa chất bảo vệ tế bào sau khi tách trong xét nghiệm độ chéo	ml	500	Parafin oil (Mineral oil)	Không yêu cầu	
29	Formaldehyt hàm lượng $\geq 4\%$	Lít	50	Formaldehyde Hàm lượng: $\geq 4\%$	Không yêu cầu	
30	Paraphin nóng chảy	Kg	40	Paraphin hạt nóng chảy 56 độ C	Không yêu cầu	
31	Bộ hóa chất phát hiện đột biến NPM1 (MutA,B,C&D)	test	150	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến NPM1 (A, B, C và D) từ máu ngoại vi và tủy xương từ bệnh nhân mắc bệnh bạch cầu dòng tủy cấp tính Nguyên lý: realtime PCR Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
32	Bộ hóa chất phát hiện đột biến FIP1L1-PDGFR	test	100	Bộ xét nghiệm phát hiện các bản sao dung hợp FIP1L1-PDGFR (FIP1L1 exon 9, 10, 11, 12, 13). Nguyên lý: realtime PCR Độ nhạy: $\leq \text{Log}4$ Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
33	Bộ hóa chất phát hiện đột biến RUNX1-RUNX1T1 t(8;21)	test	150	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp RUNX1-RUNX1T1 t(8;21) trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
34	Bộ hóa chất phát hiện đột biến TCF3/PBX1 t(1;19)	test	150	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp TCF3/PBX1 t(1;19) trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
35	Bộ hóa chất phát hiện đột biến MLL-AF4 t(4;11)	test	150	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp MLL-AF4 t(4;11) trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
36	Bộ hóa chất phát hiện đột biến TEL-AML1 t(12;21)	test	150	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp TEL-AML1 t(12;21) trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
37	Bộ hóa chất phát hiện đột biến CBFB-MYH11 Inv(16)	test	150	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp CBFB-MYH11 Inv(16) trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
38	Bộ hóa chất phát hiện đột biến FLT3-TKD	test	100	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến FLT D835Y Nguyên lý: realtime PCR Giới hạn phát hiện: tối thiểu 1% với độ tin cậy $\geq 95\%$ Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
39	Bộ hóa chất phát hiện đột biến c-KIT D816V	test	150	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến c-KIT D816V, phân biệt alen bình thường với 1% alen đột biến Nguyên lý: ASO realtime PCR Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
40	Bộ hóa chất phát hiện đột biến CALR	test	750	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến định tính 36 đột biến soma trên CALR cDNA và phát hiện chính xác đột biến type 1 và type 2 Nguyên lý: realtime PCR Phát hiện đột biến type 1 và 2 với mức độ 1% trong DNA kiểu đại Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
41	Khay Terasaki cho xét nghiệm độ chéo	Cái	300	Khay Terasaki cho xét nghiệm độ chéo	Không yêu cầu	
42	Hóa chất FISH phát hiện mất đoạn P53	test	120	Bộ đầu dò đánh dấu huỳnh quang phát hiện mất đoạn P53 Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
43	Hóa chất FISH phát hiện mất đoạn trên 20q	Kit	3	Bộ đầu dò đánh dấu huỳnh quang phát hiện mất đoạn trên 20q Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
44	Hóa chất FISH phát hiện mất đoạn 11q22.3	Kit	2	Bộ đầu dò đánh dấu huỳnh quang phát hiện mất đoạn	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				11q22.3 Đạt tiêu chuẩn IVD		
45	Đĩa 96 giếng sâu, đáy chữ V	cái	25	Đĩa 96 giếng sâu, đáy chữ U hoặc chữ V. Tương thích với pipet đa kênh và máy tách DNA tự động	Không yêu cầu	
46	Kit tách chiết và tinh sạch DNA trên máy tách tự động	test	1000	Kit tách chiết và tinh sạch DNA từ tế bào trong máu ngoại vi hoặc dịch tủy xương trên máy tách tự động theo phương pháp hạt từ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
47	Muối đệm cân bằng PBS	ml	5000	Dung dịch đệm PBS chứa natri clorua, natri hydro phosphate, kali clorua, và kali dihydro phosphate. Nồng độ ổn định là pH: 7,4.	Không yêu cầu	
48	NaCl tinh khiết	kg	2	Muối tinh khiết dạng bột, hàm lượng NaCl $\geq 99\%$	Không yêu cầu	
49	Đường Saccharose (Sucrose)	kg	1	Đường Saccharose (Sucrose)	Không yêu cầu	
50	Sodium Hydrogen Carbonate (NaHCO ₃)	gram	500	NaHCO ₃ thể rắn, độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không yêu cầu	
51	Methanol (CH ₃ OH)	Lít	425	Chất lỏng, không màu, độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không yêu cầu	
52	Acid Acetic 98% (CH ₃ COOH)	Lít	34	Acid acetic dạng lỏng, độ tinh khiết $\geq 98\%$, phù hợp cho phòng xét nghiệm	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
53	Nước siêu tinh khiết	Lít	150	Nước không chứa nuclease dùng trong các xét nghiệm sinh học phân tử	Không yêu cầu	
54	Magnesium chloride (MgCl ₂) tinh khiết	kg	1	MgCl ₂ thể rắn, độ tinh khiết $\geq 98\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
55	Tris-HCl	kg	1	Tris-HCl độ tinh khiết $\geq 99\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
56	2-propanol (Isopropanol)	Lít	4	Hóa chất dạng lỏng, độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không yêu cầu	
57	2-Mercaptoethanol	ml	100	Hóa chất dạng lỏng, độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không yêu cầu	
58	Cồn tuyệt đối dùng cho SHPT	Lít	1	Cồn tuyệt đối, độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không yêu cầu	
59	Dầu soi kính hiển vi	ml	16000	Dầu soi kính hiển vi	Không yêu cầu	
60	Citrat Natri	kg	1	Citrat Natri	Không yêu cầu	
61	Acid Formic	ml	2000	Acid Formic	Không yêu cầu	
62	Hematoxylin	Lít	10	Hematoxylin	Không yêu cầu	
63	Copper (II) sulfate pentahydrate - CuSO ₄ . 5H ₂ O	kg	5	Copper (II) sulfate pentahydrate - CuSO ₄ . 5H ₂ O	Không yêu cầu	
64	Ammonia solution 25%	lít	5	Ammonia solution 25%	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
65	Ammonium iron(III) sulfate dodecahydrate	kg	5	Ammonium iron(III) sulfate dodecahydrate	Không yêu cầu	
66	K ₂ S ₂ O ₅	kg	5	K ₂ S ₂ O ₅	Không yêu cầu	
67	Potassium hydroxide	kg	5	Potassium hydroxide	Không yêu cầu	
68	Potassium permanganate	kg	5	Potassium permanganate	Không yêu cầu	
69	Na ₂ O ₃ S ₂ .5H ₂ O	kg	5	Na ₂ O ₃ S ₂ .5H ₂ O	Không yêu cầu	
70	Periodic Acide	gram	1000	Periodic Acide	Không yêu cầu	
71	Souden Black	gram	50	Souden Black	Không yêu cầu	
72	Phenol	kg	2	Phenol	Không yêu cầu	
73	Kit phát hiện HLA B27 bằng phương pháp PCR	test	300	Kit phát hiện HLA-B*27 bằng phương pháp PCR Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
74	Kit phát hiện đột biến G1691A của yếu tố V	test	200	Kit phát hiện đột biến G1691A ở gen mã hóa cho yếu tố đông máu V bằng Real-time PCR Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
75	Kit phát hiện đột biến G20210A của yếu tố II	test	200	Kit phát hiện đột biến G20210A ở gen mã hóa cho yếu tố đông máu II bằng	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mới chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Real-time PCR Đạt tiêu chuẩn IVD		
76	Kit phát hiện đột biến C677T của gen MTHFR	test	200	Kit phát hiện đột biến C677T của gen MTHFR bằng Real-time PCR Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
77	Xét nghiệm đột biến gen các yếu tố nguy cơ bệnh huyết khối tĩnh mạch	test	300	Kit phát hiện đột biến gen các yếu tố nguy cơ bệnh huyết khối tĩnh mạch Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
78	Kit phát hiện gen BCR/ABL1 tạo protein P190	test	100	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp BCR-ABL1 p190 e1a2 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Giới hạn phát hiện của xét nghiệm $\leq \text{Log}4$ Độ nhạy, Độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
79	Kit phát hiện gen BCR/ABL1 tạo protein P230	test	100	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp BCR-ABL1 p230 e19a2 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Giới hạn phát hiện của xét nghiệm đạt đến $\text{Log}4$ Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD		
80	Kit phát hiện sàng lọc gen BCR/ABL1 tạo protein P190 hoặc p210 hoặc p230	test	250	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp P190 BCR-ABL1 (e1a2), P210 BCR-ABL1 (b2a2 & b3a2) và P230 BCR-ABL1 (e19a2) trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Giới hạn phát hiện của xét nghiệm $\leq \text{Log}4$ Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
81	Bộ hóa chất phát hiện đột biến PML-RARA t(15;17) bcr1 & bcr2, bcr3	test	100	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp PML-RARA t(15;17) bcr1 và bcr2, bcr3 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 98%	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD		
82	Bộ kit realtime PCR phát hiện đột biến V617F trong gen Jak2	test	2400	Bộ kit realtime PCR phát hiện đột biến V617F trong gen Jak2 Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
83	Môi trường nuôi cấy tế bào tủy xương	ml	3000	Môi trường đông lạnh LX tiết trùng, là môi trường được bổ sung đầy đủ các thành phần (RPMI 1640, FBS Bovine Serum, gentamicin, L-glutamine), sẵn sàng sử dụng sau khi rã đông	Không yêu cầu	
84	Huyết thanh thai bê (Chất bổ trợ vào môi trường nuôi cấy)	ml	5000	Huyết thanh thai bê tiết trùng, phù hợp cho phát triển tế bào, thành phần chủ yếu là albumin, amino acid, đường, lipid và hormone.	Không yêu cầu	
85	Chất bổ trợ vào môi trường nuôi cấy (Phytohemagglutinin (PHA))	ml	10	Chất bổ trợ vào môi trường nuôi cấy	Không yêu cầu	
86	Hóa chất nhuộm băng nhiễm sắc thể (Trypin 0,25%)	ml	1500	Dung dịch Trypsin có nồng độ 0,25%, có Phenol đỏ hoặc không	Không yêu cầu	
87	Đĩa nuôi cấy 6 giếng	cái	300	Đĩa Polystyrene, gồm 6 giếng, đáy phẳng, diện tích	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				nuôi cấy 9.5cm2, thể tích nuôi cấy 1.9 - 2.9 mL		
88	Chai nuôi cấy 25cm2, nắp thông khí (Flask 25)	cái	600	Chai nhựa Polystyrene, nắp thông khí, kích thước bề mặt nuôi cấy 25cm2	Không yêu cầu	
89	Chai nuôi cấy 75cm2, nắp thông khí (Flask 75)	cái	200	Chai nhựa Polystyrene, nắp thông khí, kích thước bề mặt nuôi cấy 75cm2	Không yêu cầu	
90	Dung dịch rửa cho các xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu	ml	15000	Dung dịch rửa cho các xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu trên hệ thống phân tích nhóm máu tự động NaOH (N/10)	Không yêu cầu	
91	Khay pha loãng cho các xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu	Khay	500	Sử dụng để pha loãng hồng cầu cho các xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu trên hệ thống phân tích nhóm máu tự động	Không yêu cầu	
92	Huyết thanh mẫu Anti C	ml	20	Huyết thanh mẫu Anti C Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
93	Huyết thanh mẫu Anti E	ml	20	Huyết thanh mẫu Anti E Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
94	Huyết thanh mẫu Anti c	ml	20	Huyết thanh mẫu Anti c Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
95	Huyết thanh mẫu Anti e	ml	20	Huyết thanh mẫu Anti e Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
96	Huyết thanh mẫu Anti A1	ml	5	Huyết thanh mẫu Anti A1 Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
97	Huyết thanh mẫu Anti H	ml	5	Huyết thanh mẫu Anti H Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
98	Dung dịch Albumin bò	ml	5	Dung dịch Albumin bò 22%	Không yêu cầu	
99	Dung dịch đệm 2X trên kỹ thuật PCR kỹ thuật số	ml	9	Dung dịch đệm 2X trên kỹ thuật PCR kỹ thuật số	Không yêu cầu	
100	Đĩa 96 giếng dùng trên kỹ thuật PCR kỹ thuật số	Cái	250	Đĩa 96 giếng dùng trên kỹ thuật PCR kỹ thuật số Tốc độ ly tâm tối đa: $\geq 2000 \times g$	Không yêu cầu	
101	Kit phát hiện gen BCR/ABL1 tạo protein P210	test	100	Bộ xét nghiệm dùng cho phát hiện bản sao dung hợp BCR-ABL1 p210 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi Nguyên lý: realtime PCR Giới hạn phát hiện của xét nghiệm $\leq \text{Log}4$ Độ nhạy, độ đặc hiệu tối thiểu 99% Tối ưu trên đa dạng thiết bị Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
102	Hóa chất định lượng đột biến Jak2 V617F	test	1000	Bộ kit xét nghiệm định lượng đột biến Jak2 V617F bằng kỹ thuật Realtime PCR Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
103	Hóa chất FISH phát hiện bất thường trên nhiễm sắc thể số 1	test	120	Bộ đầu dò đánh dấu huỳnh quang, phát hiện mất đoạn/lặp đoạn trên nhiễm sắc thể số 1 vị trí 1p32 và 1q21-q22 Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
104	Dung dịch Giemsa	Lít	70	Dung dịch nhuộm Giemsa	Các nước G7	
105	Thuốc nhuộm Erythrosin B	gram	50	Thuốc nhuộm Erythrosin B Dạng bột	Không yêu cầu	
106	Hóa chất Xác định hoạt tính PAI trong huyết tương người	ml	40	Hóa chất cho xét nghiệm PAI - chất ức chế kích hoạt Plasminogen. Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
107	Hóa chất XN phát hiện tổng số kháng thể gắn Heparin trong rối loạn HIT	ml	50	Hóa chất dùng để XN đánh giá bệnh nhân có hội chứng giảm tiểu cầu khi dùng Heparin (HIT) Phương pháp : xét nghiệm miễn dịch trên máy tự động để phát hiện (bản định lượng) các immunoglobulin toàn phần kháng yếu tố 4 tiểu cầu (PF4) Độ lặp lại(%) : $CV \leq 12\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
108	Chất kiểm chuẩn cho XN phát hiện tổng số kháng thể gắn heparin trong rối loạn HIT	ml	18	Kiểm tra được chất lượng xét nghiệm xác định hội chứng giảm tiểu cầu khi dùng Heparin (HIT) Bao gồm các chất kiểm chứng ở các mức nồng độ khác nhau Đạt tiêu chuẩn IVD	Các nước G7	
109	Test nhanh HBV	test	30000	Phát hiện nhanh HbsAg. Độ nhạy $\geq 95\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Các nước G7	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
110	Xanh Cresyl	gram	250	Thuốc nhuộm hồng cầu lưới	Không yêu cầu	
111	Huyết thanh mẫu Anti A, Anti B, Anti AB định nhóm máu của người hiến máu	ml	30000	Bao gồm: Kháng thể chống kháng nguyên A Kháng thể chống kháng nguyên B Kháng thể chống kháng nguyên A,B Thành phần: loại globulin miễn dịch M đơn dòng Độ đặc hiệu: 100% Hiệu giá $\geq 1:256$	Không yêu cầu	
112	Huyết thanh mẫu Anti A, Anti B, Anti AB định nhóm máu trong cấp phát máu	ml	90000	Bao gồm: Kháng thể đơn dòng Anti A Kháng thể đơn dòng Anti B Kháng thể đơn dòng Anti A,B Thành phần: loại IgM Độ đặc hiệu: 100% Hiệu giá $\geq 1:256$	Không yêu cầu	
113	Hóa chất ngoại kiểm xét nghiệm CYFRA 21-1	Hộp	2	Hóa chất ngoại kiểm xét nghiệm CYFRA 21-1 Thông số phân tích: CYFRA 21-1 (Cytokeratin 19) Dung tích: ≥ 6 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
114	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm điện giải mức cao	Hộp	1	Chất chuẩn huyết thanh mức cao dùng cho xét nghiệm điện giải. Bao gồm: Các ion: Na ⁺ ; K ⁺ ; Cl ⁻ Dung tích: ≥ 400 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
115	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm điện giải mức trung bình	Hộp	50	Chất chuẩn huyết thanh mức trung bình dùng cho xét nghiệm điện giải. Bao gồm: Các ion: Na ⁺ ; K ⁺ ; Cl ⁻ Dung tích: ≥ 8000 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
116	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm điện giải mức thấp	Hộp	1	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp dùng cho xét nghiệm điện giải. Bao gồm: Các ion: Na ⁺ ; K ⁺ ; Cl ⁻ Dung tích: ≥ 400 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
117	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	Hộp	50	Xét nghiệm Acid Uric trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 120 đến ≥ 1700 umol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 4500 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
118	Hóa chất xét nghiệm Albumin	Hộp	35	Xét nghiệm Albumin trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 15 đến ≥ 60 g/L ; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 5500 test/hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
119	hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hộp	35	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ 0 đến ≥ 500 $\mu\text{mol/L}$ Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 3000 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
120	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hộp	21	Xét nghiệm Bilirubin trực tiếp trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ 0 đến ≥ 170 $\mu\text{mol/L}$; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 4000 test/hộp Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
121	Hóa chất xét nghiệm C3	Hộp	30	Xét nghiệm C3 trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,15$ đến ≥ 5 g/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 1200 test/hộp Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
122	Hóa chất xét nghiệm C4	Hộp	30	Hóa chất xét nghiệm C4 trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,1$ đến $\geq 1,5$ g/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 1200 test/hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
123	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol toàn phần	Hộp	90	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol toàn phần trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,5$ đến ≥ 15 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 4500 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
124	Hóa chất xét nghiệm CRP	Hộp	60	Hóa chất xét nghiệm CRP trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 80 mg/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 1200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
125	Hóa chất xét nghiệm Gentamicin	Hộp	25	Hóa chất xét nghiệm Gentamicin trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,5$ đến ≥ 10 $\mu\text{g/mL}$; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
126	Hóa chất xét nghiệm HDL-Cholesterol	Hộp	130	Hóa chất xét nghiệm HDL-Cholesterol trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,1$ đến ≥ 4 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 1800 test/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD		
127	Hóa chất xét nghiệm LDL - Cholesterol	Hộp	270	Hóa chất xét nghiệm LDL-Cholesterol trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,5$ đến ≥ 10 mmol/L; Loại mẫu: Huyết tương và Huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 900 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
128	Hóa chất xét nghiệm Mg	Hộp	15	Hóa chất xét nghiệm Mg trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,2$ đến ≥ 3 mmol/L; Số lượng xét nghiệm: ≥ 1000 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
129	Hóa chất xét nghiệm Phospho vô cơ	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm Phospho vô cơ trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,5$ đến ≥ 6 mmol/L; Số lượng test: ≥ 3000 test/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD		
130	Hóa chất xét nghiệm Protein niệu	Hộp	100	Hóa chất xét nghiệm Protein niệu trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ $\leq 0,01$ đến $\geq 2,0$ g/L Loại mẫu: Nước tiểu, dịch não tủy số lượng xét nghiệm: ≥ 650 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
131	Hóa chất xét nghiệm Protein toàn phần	Hộp	38	Hóa chất xét nghiệm Protein toàn phần trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 30 đến ≥ 120 g/L Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương số lượng xét nghiệm: ≥ 3500 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
132	Hóa chất xét nghiệm RF	Hộp	23	Hóa chất xét nghiệm RF trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 10 đến ≥ 100 IU/mL; số lượng xét nghiệm: ≥ 900 test/Hộp Độ lặp lại $CV \leq 10\%$ Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
133	Hóa chất xét nghiệm Sắt	Hộp	27	Hóa chất xét nghiệm Sắt trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 2 đến ≥ 150 $\mu\text{mol/L}$; Loại mẫu: Huyết thanh và Huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 2000 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
134	Hóa chất xét nghiệm UIBC	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm UIBC trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 10 đến ≥ 100 $\mu\text{mol/L}$; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 800 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
135	Hóa chất xét nghiệm Ure	Hộp	90	Hóa chất xét nghiệm Ure trên máy phân tích tự động Dải đo: ≤ 10 đến ≥ 50 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 4500 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
136	Hóa chất xét nghiệm ALP	Hộp	12	Hóa chất xét nghiệm ALP trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 1500 U/L; Số lượng xét nghiệm ≥ 1500 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
137	Hóa chất xét nghiệm α -Amylase	Hộp	15	Hóa chất xét nghiệm α -Amylase trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 10 đến ≥ 1500 U/L; Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu Số lượng xét nghiệm: ≥ 1800 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
138	Hóa chất xét nghiệm AST (GOT) quy cách lớn	Hộp	70	Hóa chất xét nghiệm AST (GOT) trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 1000 U/L ; Số lượng xét nghiệm: ≥ 7500 test/Hộp Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
139	Hóa chất xét nghiệm Cholinesterase (ChE)	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm Cholinesterase (ChE) trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 15 kU/L ; Số lượng xét nghiệm: 1200 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 1\%$ Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
140	Hóa chất xét nghiệm CK (Creatine kinase)	Hộp	16	Hóa chất xét nghiệm CK (Creatine kinase) trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 10 đến ≥ 2000 U/L ; Số lượng xét nghiệm: ≥ 2500 test/Hộp Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD		
141	Hóa chất xét nghiệm CK-MB	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm CK-MB trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 10 đến ≥ 2000 U/L; Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 450 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
142	Hóa chất xét nghiệm GGT	Hộp	53	Hóa chất xét nghiệm GGT trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 1200 U/L; Số lượng xét nghiệm: ≥ 3000 test/hộp Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Độ lặp lại $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
143	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ LDH	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ LDH trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 25 đến ≥ 1200 U/L ; Số lượng xét nghiệm: ≥ 3000 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	Không yêu cầu	
144	Hóa chất xét nghiệm Lipase	Hộp	23	Đạt tiêu chuẩn IVD Hóa chất xét nghiệm Lipase trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 600 U/L ; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 250 test/Hộp Độ lặp lại $CV \leq 10\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
145	Dung dịch rửa máy xét nghiệm sinh hóa	Bình	5	Dung dịch rửa. Thành phần: hypochlorite Dung tích: ≥ 450 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
146	Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa	Can	300	Dung dịch rửa hệ thống. Dung tích: ≥ 5 L/Can Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
147	Hóa chất xét nghiệm Vancomycin	Hộp	20	Hóa chất xét nghiệm Vancomycin trên máy phân tích tự động Dải đo: Từ ≤ 2 đến ≥ 50 $\mu\text{g/mL}$ Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$ Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 400 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
148	Hóa chất đệm cho xét nghiệm điện giải.	Hộp	40	Hóa chất đệm điện giải. Dung tích: ≥ 8000 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
149	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	Hộp	15	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu Dung tích: ≥ 4000 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
150	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Protein nhóm 1	Hộp	3	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm protein nhóm 1 Bao gồm chất chuẩn ở các nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 12 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
151	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Protein nhóm 2	Hộp	3	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein nhóm 2 Bao gồm chất chuẩn ở các nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 10 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
152	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Lọ	100	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Nguồn gốc: Huyết thanh người Dung tích: ≥ 5 ml/Lọ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
153	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	Lọ	2	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB. Dung tích: ≥ 1 ml/Lọ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
154	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP hs	Hộp	5	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao. Bao gồm chất chuẩn ở các nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 10 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
155	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	Hộp	5	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Có bao gồm: HDL-cholesterol dùng để hiệu chuẩn Dung tích: ≥ 6 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
156	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm LDL-Cholesterol	Hộp	6	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL. Bao gồm: LDL-Cholesterol dùng để hiệu chuẩn Dung tích: ≥ 2 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
157	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm RF Latex	Hộp	5	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF. Bao gồm: RF ở người với các nồng độ khác nhau và chất bảo quản Dung tích: ≥ 5 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
158	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy	Hộp	5	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy tối thiểu gồm Amylase, Canxi, Glucose, Phospho vô cơ, Urê, Axit Uric, Creatinine, Magiê Dung tích: ≥ 45 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
159	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Vancomycin	Hộp	3	Chất hiệu chuẩn được sử dụng cho xét nghiệm Vancomycin. Bao gồm: Các chất hiệu chuẩn có mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
160	Hóa chất kiểm tra chất lượng điện cực Natri và Kali	Hộp	1	Hóa chất kiểm tra điện cực Natri và Kali. Bao gồm: Các ion Na^+ ; K^+ Dung tích: ≥ 50 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
161	Điện cực Kali	Cái	15	Tuổi thọ: ≥ 2 tháng hoặc ≥ 20.000 mẫu. Số lượng: ≥ 1 cái Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
162	Điện cực Na	Cái	15	Tuổi thọ: ≥ 2 tháng hoặc ≥ 20.000 mẫu. Số lượng: ≥ 1 cái Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
163	Điện cực Clo	Cái	15	Màng rắn (muối amoni loại 4). Tuổi thọ: ≥ 2 tháng hoặc ≥ 20.000 mẫu. Số lượng: ≥ 1 cái Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
164	Điện cực tham chiếu	Chiếc	10	Tuổi thọ: ≥ 150.000 test hoặc ≥ 24 tháng Số lượng: ≥ 1 cái Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
165	Hóa chất xét nghiệm LIH	Hộp	10	Hóa chất xét nghiệm LIH trên máy phân tích tự động Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 45000 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
166	Hóa chất xét nghiệm đường (Glucose) trong máu	Hộp	105	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose trên máy phân tích tự động Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy Số lượng xét nghiệm: ≥ 6400 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 45 mmol/L; Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
167	Hóa chất xét nghiệm ALT	Hộp	140	Hóa chất xét nghiệm ALT (GPT) trên máy phân tích tự động Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 500 U/L. Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 3900 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
168	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid	Hộp	100	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid trên máy phân tích tự động Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Dải đo: Từ $\leq 0,1$ đến ≥ 10 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 3000	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD		
169	Hóa chất xét nghiệm Creatinin	Hộp	119	Hóa chất xét nghiệm Creatinin trên máy phân tích tự động Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu Dải đo: Huyết thanh, huyết tương: Từ ≤ 90 đến $\geq 2000 \mu\text{mol/L}$. Nước tiểu: Từ ≤ 100 đến $\geq 35000 \mu\text{mol/L}$. Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 4800 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
170	Hóa chất xét nghiệm Calci toàn phần quy cách lớn	Hộp	44	Hóa chất xét nghiệm Calci toàn phần trên máy phân tích tự động Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu Dải đo: Huyết thanh, huyết tương: Từ ≤ 5 đến $\geq 20 \text{ mg/dL}$. Nước tiểu: Từ 0 đến $\geq 40 \text{ mg/dL}$.	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 6800 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD		
171	Bộ Hóa chất xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng	Bộ	130	Phương pháp; Sắc ký lỏng hoặc tương đương Loại mẫu: máu toàn phần, máu đã ly giải Dải đo: Từ ≤ 5 đến $\geq 15\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 1000 test/bộ Độ lặp lại: $CV \leq 2\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
172	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm xét nghiệm HbA1c	Hộp	25	Được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng HbA1c Bao gồm các chất chuẩn ở nồng độ khác nhau Dung tích: $\geq 1000\mu l$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
173	Hóa chất xét nghiệm Aldosterone	Hộp	40	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: ≤ 1 đến ≥ 100 ng/dL Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
174	Hóa chất xét nghiệm Anti-TPO	Hộp	70	Phương pháp: Điện hóa phát quang hoặc hóa phát quang hoặc đo độ đục hoặc tương đương Dải đo: Từ 0 đến ≥ 2000 IU/mL Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
175	Hóa chất xét nghiệm Beta-2-Microglobulin	Hộp	30	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: 0 đến ≥ 40 mg/L Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Các hạt từ được phủ kháng thể (đa dòng, thỏ) kháng Beta-2-Microglobulin Số lượng xét nghiệm: ≥ 100	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD		
176	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP	Hộp	5	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm AFP Chứa AFP ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
177	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA15-3	Hộp	5	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm CA15-3 Bao gồm: Kháng nguyên CA 15-3 ở các mức xấp xỉ nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 9 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
178	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	Hộp	5	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm CEA Bao gồm: Kháng nguyên carcinoembryonic ở các mức xấp xỉ nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
179	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol	Hộp	6	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm Cortisol Bao gồm: Cortisol trong huyết thanh người ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 20 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
180	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm EPO	Hộp	3	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm EPO Bao gồm: EPO tái tổ hợp Dung tích: ≥ 20 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
181	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Estradiol	Hộp	1	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm Estradiol Bao gồm: Estradiol trong huyết thanh người ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 14 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
182	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	Hộp	6	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm Ferritin Bao gồm: Ferritin ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 20 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
183	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm free T3	Hộp	4	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm free T3 Bao gồm T3 Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
184	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm free T4	Hộp	10	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm free T4 Bao gồm: Thyroxine tự do trong huyết thanh người ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
185	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA19-9	Hộp	5	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm CA-19-9 Bao gồm: Kháng nguyên CA 19-9 ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
186	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Free PSA	Hộp	5	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm Free PSA Bao gồm: PSA tự do người ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
187	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	Hộp	5	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm PSA Bao gồm: PSA trong huyết thanh ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
188	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA12-5	Hộp	5	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm CA12-5 Bao gồm: Kháng nguyên CA 125 ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
189	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Testosterone	Hộp	1	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm Testosterone Bao gồm: Testosterone ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
190	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Total β hCG	Hộp	10	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm Total β hCG Bao gồm: Các chất chuẩn ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 20 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
191	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Hộp	10	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm TSH Bao gồm: Các chất chuẩn ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
192	Hóa chất xét nghiệm EPO	Hộp	13	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 750 mIU/mL Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
193	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Direct Renin	Hộp	18	Kiểm tra được chất lượng xét nghiệm Direct Renin Dạng bột đông khô Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
194	Chất môi phản ứng cho phản ứng miễn dịch	Hộp	30	Chất môi phản ứng cho phản ứng miễn dịch Dạng dung dịch Bao gồm: Chất xúc tác Dung tích: ≥ 1300 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
195	Dung dịch rửa hàng ngày cho xét nghiệm miễn dịch	Bình	2	Dung dịch rửa hàng ngày cho xét nghiệm miễn dịch Dung tích: ≥ 3 lít/Bình Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
196	Cơ chất phát quang	Hộp	350	Cơ chất phát quang dùng cho xét nghiệm miễn dịch bao gồm: Dung dịch đệm, huỳnh quang	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Dung tích: ≥ 500 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD		
197	Cuvette phản ứng dùng cho xét nghiệm miễn dịch	Túi	54	Công phản ứng cho xét nghiệm miễn dịch Số lượng: ≥ 1800 cái/Túi Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
198	Đầu côn dùng một lần	Hộp	88	Đầu côn dùng một lần Số lượng: ≥ 550 cái/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
199	Hóa chất xét nghiệm AFP	Hộp	150	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: ≤ 1 đến ≥ 3000 ng/mL Loại mẫu đo: Huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
200	Hóa chất xét nghiệm CA 125	Hộp	45	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 5000 U/mL Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
201	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	Hộp	45	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: ≤ 1 đến ≥ 1000 U/mL Độ lặp lại: $CV \leq 15\%$ Loại mẫu đo: Huyết tương, huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
202	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9	Hộp	100	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 2000 U/mL Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
203	Hóa chất xét nghiệm CEA	Hộp	180	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 1000 ng/mL Loại mẫu đo: Huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
204	Hóa chất xét nghiệm Cortisol	Hộp	386	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: ≤ 1 đến ≥ 60 $\mu\text{g/dL}$ Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 15\%$ Loại mẫu đo: Huyết tương, huyết thanh, nước tiểu Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
205	Hóa chất xét nghiệm Estradiol	Hộp	1	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: ≤ 15 đến ≥ 5000 pg/mL Loại mẫu đo: Huyết tương, huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
206	Hóa chất xét nghiệm Ferritin	Hộp	260	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: ≤ 1 đến ≥ 1500 ng/mL Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 10\%$ Loại mẫu đo: Huyết tương, huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
207	Hóa chất xét nghiệm Free PSA	Hộp	65	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ $\leq 0,01$ đến ≥ 15 ng/mL Độ lặp lại: $CV \leq 7\%$ Loại mẫu đo: Huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
208	Hóa chất xét nghiệm hsTnI	Hộp	20	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 25000 pg/mL Độ lặp lại: $CV < 10\%$ Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
209	Hóa chất xét nghiệm Prolactin	Hộp	1	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: ≤ 1 đến ≥ 200 ng/mL Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
210	Hóa chất xét nghiệm T3 tự do	Hộp	40	Phương pháp đo: Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 2 đến ≥ 30 pg/mL Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
211	Hóa chất xét nghiệm T4 tự do	Hộp	1.215	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ $\leq 0,5$ đến ≥ 6 ng/dL Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
212	Hóa chất xét nghiệm Testosterone	Hộp	1	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ $\leq 0,5$ đến ≥ 15 ng/mL Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
213	Hóa chất xét nghiệm Hybritech PSA	Hộp	50	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 120 ng/mL Loại mẫu đo: Huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
214	Hóa chất xét nghiệm β hCG toàn phần	Hộp	111	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 1300 mIU/mL Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương (lithium heparin) Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
215	Hóa chất xét nghiệm TSH	Hộp	667	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: Từ $\leq 0,005$ đến ≥ 50 μIU/mL Loại mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
216	Dung dịch kiểm tra hệ thống đầu ngày cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	6	Dạng bột đông khô Dung tích: ≥ 24 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
217	Dung dịch làm sạch ống và kim rửa	Hộp	15	Dung dịch kiểm tra hệ thống hàng tuần cho xét nghiệm miễn dịch Thành phần bao gồm: dung dịch natri hypoclorit Dung tích: ≥ 35 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
218	Dung dịch kiểm tra máy miễn dịch	Hộp	14	Dung dịch kiểm tra máy miễn dịch Dung tích: ≥ 20 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
219	Dung dịch rửa máy miễn dịch	Hộp	1.400	Dung dịch rửa máy miễn dịch Dung tích: ≥ 10 L/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
220	Dung dịch rửa giữa các xét nghiệm	Hộp	5	Dung dịch rửa giữa các xét nghiệm Thành phần: Dung dịch đậm phosphate Dung tích: ≥ 6 L/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
221	Dung dịch rửa máy xét nghiệm miễn dịch	Bình	6	Thành phần: KOH 1-5% Dung tích: ≥ 1 L/Bình Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
222	Giếng phản ứng	Túi	1.100	Chất liệu Polypropylene hoặc tương đương Dung tích tối đa khoảng 1 ml/Hộp Số lượng: ≥ 1000 cái/Túi Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
223	Hóa chất xét nghiệm hGH	Hộp	15	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Loại mẫu: huyết thanh Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
224	Cốc đựng mẫu	Túi	8	Nhựa cứng, trong suốt Dung tích ≥ 2 ml Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
225	Hóa chất pha loãng xét nghiệm Estradiol	Hộp	1	Pha loãng được mẫu cho xét nghiệm Estradiol siêu nhạy Bao gồm: Huyết thanh người Dung tích: ≥ 4 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
226	Hóa chất xét nghiệm Direct Renin	Hộp	30	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: nồng độ lớn nhất đo được ≥ 500 μ IU/mL Loại mẫu: huyết tương Số lượng xét nghiệm ≥ 100 test/hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
227	Dung dịch pha loãng mẫu cho máy miễn dịch	Hộp	60	Pha loãng được mẫu cho các xét nghiệm miễn dịch Dung tích: ≥ 4 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
228	Hóa chất xét nghiệm IL-6	Hộp	60	Hóa chất xét nghiệm IL-6 trên hệ thống máy phân tích miễn dịch tự động Dải đo: từ ≤ 2 đến ≥ 1500 pg/mL Loại mẫu đo: huyết thanh, huyết tương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
229	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm IL-6	Hộp	5	Hóa chất tạo đường chuẩn xét nghiệm IL-6 Bao gồm: IL-6 tái tổ hợp ở người Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
230	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm IL-6	Hộp	6	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm IL-6 Bao gồm: IL-6 tái tổ hợp người ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
231	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Prolactin	Hộp	1	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm Prolactin Bao gồm: Prolactin ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 15 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
232	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa thường quy trên máy bán tự động	Hộp	1	Xây dựng được đường chuẩn xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người Dạng bột đông khô Thành phần: huyết thanh người Dung tích: ≥ 25 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
233	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa thường quy trên máy bán tự động mức 1	Hộp	1	Kiểm tra được chất lượng xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1 Dạng bột đông khô Thành phần: huyết thanh người Dung tích: ≥ 25 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
234	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa thường quy trên máy bán tự động mức 2	Hộp	1	Kiểm tra được chất lượng xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2 Dạng bột đông khô Thành phần: huyết thanh người	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Dung tích: ≥ 25 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD		
235	Giấy in nhiệt cho máy sinh hóa bán tự động	Cuộn	12	Chất liệu : giấy in nhiệt. Số lượng: ≥ 1 cuộn	Không yêu cầu	
236	Hóa chất xét nghiệm α -Amylase cho máy bán tự động	Lọ	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ ≤ 2 đến ≥ 1300 U/L Số lượng xét nghiệm: ≥ 25 test/Lọ Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
237	Hóa chất xét nghiệm ALT (GPT) cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ ≤ 2 đến ≥ 800 U/L Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm : ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
238	Hóa chất xét nghiệm Albumin cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: từ ≤ 2 đến ≥ 70 g/L Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 250 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
239	Hóa chất xét nghiệm AST (GOT) cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ ≤ 2 đến ≥ 800 U/L Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
240	Hóa chất xét nghiệm Calcium theo phương pháp MTB cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ $\leq 0,15$ đến $\geq 3,75$ mmol/L Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
241	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: ≤ 1 đến ≥ 25 mmol/L Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
242	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol HDL cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ $\leq 0,01$ đến ≥ 5 mmol/L Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 80 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
243	Hóa chất xét nghiệm Creatinine cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 1700 $\mu\text{mol/L}$ Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
244	Hóa chất xét nghiệm Glucose cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ $\leq 0,1$ đến $\geq 25\text{mmol/L}$ Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
245	Hóa chất xét nghiệm tổng Protein cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến $\geq 150\text{ g/L}$ Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 250 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
246	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ $\leq 0,02$ đến $\geq 6\text{ mmol/L}$ Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
247	Hóa chất xét nghiệm Urea cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ $\leq 0,25$ đến ≥ 50 mmol/L Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
248	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid cho máy bán tự động	Hộp	6	Phương pháp: Xét nghiệm sinh hóa trên hệ thống máy phân tích sinh hóa bán tự động Dải đo: Từ ≤ 5 đến ≥ 1400 μmol/L Bước sóng đo: 520 nm Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
249	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDH	Hộp	80	Xét nghiệm định lượng LDH trên máy phân tích tự động Mẫu đo: Huyết tương Dải đo: Từ ≤ 10 đến ≥ 1000 U/L Số lượng xét nghiệm: ≥ 300 tests/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 1\%$ $CV \leq 2\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
250	Cóng phản ứng cho xét nghiệm sinh hóa công suất nhỏ	Hộp	6	Cuvette phản ứng cho xét nghiệm sinh hóa công suất nhỏ Số lượng: ≥ 10 cái/Hộp	Không yêu cầu	
251	Cuvette phản ứng cho xét nghiệm sinh hóa công suất lớn	Hộp	6	Cuvette phản ứng cho xét nghiệm sinh hóa công suất lớn Số lượng: ≥ 10 cái/Hộp	Không yêu cầu	
252	Vỏ Xy-lanh	Cái	35	Chất liệu bằng nhựa hoặc tương đương	Không yêu cầu	
253	Bóng đèn halogen cho xét nghiệm sinh hóa	Cái	48	Bóng đèn Halogen 12V, $\geq 100W$	Không yêu cầu	
254	Que khuấy	Cái	14	Que khuấy Chất liệu: Nhựa, kim loại hoặc tương đương	Không yêu cầu	
255	Màng lọc RO300	Cái	27	Chất liệu: màng bán thấm hoặc tương đương	Không yêu cầu	
256	Que khuấy dạng L kim loại	Chiếc	9	Que khuấy dạng L Chất liệu: kim loại, có phủ teflon	Không yêu cầu	
257	Que khuấy dạng xoắn	Que	9	Que khuấy dạng xoắn Có phủ teflon	Không yêu cầu	
258	Que khuấy dạng L	Cái	9	Que khuấy dạng L có phủ teflon	Không yêu cầu	
259	Que khuấy dạng xoắn kim loại	Que	9	Que khuấy dạng xoắn Chất liệu: kim loại, có phủ teflon	Không yêu cầu	
260	Đèn halogen cho máy sinh hóa công suất nhỏ	Cái	15	Bóng đèn Halogen 12V 20W	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
261	Kim hút hóa chất	Chiếc	8	Chất liệu: kim loại Có phủ lớp chống dính	Không yêu cầu	
262	Xy-lanh hút hóa chất	Chiếc	27	Syringe hút hóa chất Chất liệu: thủy tinh, nhựa, kim loại, hoặc tương đương	Không yêu cầu	
263	Dây bơm nhu động	Túi	27	Dây bơm nhu động Số lượng ≥ 2 cái /Túi Chất liệu: cao su, nhựa hoặc tương đương	Không yêu cầu	
264	Kim hút bệnh phẩm	Chiếc	9	Chất liệu: kim loại Có phủ lớp chống dính	Không yêu cầu	
265	Xy-lanh hút bệnh phẩm	Cái	6	Syringe hút bệnh phẩm Chất liệu: thủy tinh, nhựa, kim loại, hoặc tương đương	Không yêu cầu	
266	Màng bơm chân không	Chiếc	14	Màng bơm chân không dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Không yêu cầu	
267	Hạt nhựa Mixbed lọc nước	Lít	1000	Hạt nhựa Mixbed lọc nước	Không yêu cầu	
268	Lõi lọc PP 20" 5micron	Cái	41	Loại bỏ được tạp chất cặn bẩn. Chất liệu: Tơ nhựa polypropylene nguyên sinh hoặc tương đương	Không yêu cầu	
269	Lõi lọc số UDF 20"	Cái	27	Hấp thụ được các chất hữu cơ và làm trong nước. Chất liệu: Than hoạt tính hoặc tương đương	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
270	Lõi lọc số CTO 20"	Cái	27	Lọc được các cặn bẩn lơ lửng trong nước. Chất liệu: Tơ nhựa Poly Propylene nguyên sinh Kích thước 20 inch Số lượng: 1 cái	Không yêu cầu	
271	Màng lọc 100G	Cái	18	Chất liệu: Polyamide hoặc tương đương	Không yêu cầu	
272	Kim hút hóa chất có đánh dấu	Chiếc	6	Kim hút hóa chất có đánh dấu	Không yêu cầu	
273	Kim hút bệnh phẩm số 1	Chiếc	2	Kim hút bệnh phẩm số 1	Không yêu cầu	
274	kim hút bệnh phẩm số 2	Chiếc	2	kim hút bệnh phẩm số 2	Không yêu cầu	
275	Xi lanh hút hóa chất	Chiếc	5	Xi lanh hút hóa chất	Không yêu cầu	
276	Gioăng chia dịch cho xét nghiệm HbA1c	Cái	8	Vòng đệm chia dịch dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	
277	Bơm và thùng chứa chất thải	Bộ	8	Bơm và thùng chứa chất thải dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	
278	Vòng đệm kit đầu kim dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Cái	6	Vòng đệm kit đầu kim dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	
279	Kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Túi	6	Kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	
280	Vòng đệm O-ring dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Túi	8	Vòng đệm O-ring dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
281	Màng bơm dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Túi	8	Màng bơm dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	
282	Xylan 500µL	Cái	6	Xylan 500µL dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	
283	Ống nước tuần hoàn dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Túi	8	Ống nước tuần hoàn dùng cho máy xét nghiệm HbA1c	Không yêu cầu	
284	Màng lọc 2 micron dùng cho máy HbA1c	Túi	18	Màng lọc 2 micron dùng cho máy HbA1c	Không yêu cầu	
285	Cảm biến đo áp suất trong quá trình thực hiện xét nghiệm	Cái	6	Cảm biến đo áp suất trong quá trình thực hiện xét nghiệm	Không yêu cầu	
286	Dây cáp, Đầu dò, Cảm biến RF theo dõi mức chất lỏng trong quá trình xét nghiệm	Chiếc	6	Dây cáp, Đầu dò, Cảm biến RF theo dõi mức chất lỏng trong quá trình xét nghiệm	Không yêu cầu	
287	Dây bơm dẫn chất lỏng từ cuvette hoặc ống mẫu loại to	Túi	12	Đường kính trong 2.79mm, bằng cao su	Không yêu cầu	
288	Dây bơm dẫn chất lỏng từ cuvette hoặc ống mẫu loại nhỏ	Túi	9	Đường kính trong 1.29mm, bằng cao su	Không yêu cầu	
289	Dây bơm chịu nhiệt dẫn chất lỏng từ cuvette hoặc ống mẫu	Feet	14	Dây bơm chịu nhiệt dẫn chất lỏng từ cuvette hoặc ống mẫu	Không yêu cầu	
290	Nắp ống nghiệm màu xanh	Túi	300	Nắp ống nghiệm màu xanh Số lượng: ≥ 500 cái/Túi	Không yêu cầu	
291	Tem dán cho máy chuẩn bị ống mẫu kích thước 30x50mm	Cuộn	900	Chất liệu : giấy in nhiệt. Số lượng: ≥ 1500 nhãn/ cuộn	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
292	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Hộp	5	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP. Bao gồm chất chuẩn ở các nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 10 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
293	Hóa chất xét nghiệm định lượng protein phản ứng C (CRP)	Hộp	350	Xét nghiệm định lượng protein phản ứng C (CRP) trên máy phân tích tự động Mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 350 mg/L Số lượng xét nghiệm: ≥ 500 tests/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
294	Hóa chất xét nghiệm định lượng protein phản ứng C (CRP)	Hộp	250	Xét nghiệm định lượng protein phản ứng C (CRP) trên máy phân tích tự động Mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương Dải đo: Từ ≤ 1 đến ≥ 350 mg/L Số lượng xét nghiệm: ≥ 250 tests/Hộp Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$ Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
295	Định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy	Hộp	25	Xét nghiệm định lượng Albumin trên máy xét nghiệm phân tích tự động Dải đo: Nước tiểu: Từ ≤ 0.7 đến ≥ 45 mg/dL Dịch não tủy: Từ ≤ 1 đến ≥ 45 mg/dL Loại mẫu: Nước tiểu và dịch não tủy Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 500 test/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
296	Chất hiệu chuẩn Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy	Hộp	5	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/ CSF Thành phần: Natri azit hoặc tương đương Dung tích: ≥ 10 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
297	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm khí máu mức 1	Hộp	2	Dạng lỏng Thông số phân tích: ≥ 10 thông số Dung tích: ≥ 50 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
298	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm khí máu mức 2	Hộp	2	Dạng lỏng Thông số phân tích: ≥ 10 thông số Dung tích: ≥ 50 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
299	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm khí máu mức 3	Hộp	2	Dạng lỏng Thông số phân tích: ≥ 10 thông số Dung tích: ≥ 50 ml/Hộp Đạt tiêu chuẩn IVD	Không yêu cầu	
300	Sinh phẩm xét nghiệm Realtime PCR phát hiện định tính Herpes Simplex Virus.	Bộ	20	Sinh phẩm xét nghiệm Realtime PCR phát hiện định tính Herpes Simplex Virus. Độ nhạy $\geq 95\%$, độ đặc hiệu 100%	Không yêu cầu	
301	Kít tách chiết DNA của vi khuẩn lao từ: huyết thanh, huyết tương, mẫu phân, dịch não tủy, nước tiểu, mẫu mô sinh thiết, mẫu quệt họng, quệt cổ tử cung, môi trường nuôi cấy tế bào	Kit	20	- Kít tách chiết DNA của vi khuẩn lao tối thiểu từ: mẫu phân, dịch não tủy, nước tiểu, mẫu mô sinh thiết, mẫu quệt họng, quệt cổ tử cung, môi trường nuôi cấy tế bào - Tách chiết tương đương với lý hạt từ hoặc - Bao gồm Vật tư tiêu hao cần thiết cho quá trình tách chiết: ống hút mẫu, đầu tip hút mẫu, ống thu acid nucleic. Số lượng xét nghiệm: ≥ 96 test/Kit	Không yêu cầu	
302	Đĩa phết mẫu định danh nhanh vi khuẩn	Hộp	40	Đĩa phết mẫu định danh nhanh vi khuẩn Số lượng: ≥ 20 đĩa/Hộp	Không yêu cầu	Không yêu cầu ủy quyền
303	Bộ mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus HIV	Hộp	15	Bộ mẫu chuẩn xét nghiệm đo tải lượng virus HIV, ống chứng dương, ống chứng âm	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Số lượng: ≥ 24 ống chứng dương, ≥ 12 ống chứng âm		
304	Bộ thuốc thử chiết tách DNA mẫu xét nghiệm	Bộ	15	Bộ thuốc thử chiết tách DNA mẫu xét nghiệm cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV Số lượng: ≥ 8 chai/Bộ	Không yêu cầu	
305	Khay làm kháng nấm đồ vi pha loãng	Hộp	120	- Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán, sử dụng phương pháp cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy. Thông số kỹ thuật - Thành phần kháng nấm (dải nồng độ - $\mu\text{g/ml}$): Miconazole (0.008-8), Caspofungin (0.008-8), 5-Fluorouracil (0.06-64), Posaconazole (0.008-8), Voriconazole (0.008-8), Itraconazole (0.015-16), Fluconazole (0.12-256), Anidulafungin (0.015-8), Amphotericin B (0.12-8). - Đóng gói: ≥ 10 khay/hộp	Không yêu cầu	
306	Canh thang làm kháng sinh đồ nấm	Hộp	250	Môi trường canh thang thực hiện kháng nấm đồ Số lượng: ≥ 10 ống x 11ml/Hộp	Không yêu cầu	Không yêu cầu ủy quyền

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
307	Dung dịch pha huyền dịch vi khuẩn làm kháng sinh đồ nấm	Hộp	25	Nước khử khoáng vô trùng Số lượng: ≥ 100 ống x5ml/hộp	Không yêu cầu	Không yêu cầu ủy quyền
308	Bộ xác định độ nhạy cảm của các loại thuốc kháng nấm đối với các chủng nấm gây bệnh	Hộp	130	Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD), sử dụng phương pháp vi pha loãng. - Khay cho kết quả MIC thực - Khay kháng nấm đồ với anidulafungin và micafungin - Khay sử dụng chất chỉ thị màu alamarBlue - Thành phần kháng nấm (dài nồng độ - $\mu\text{g/ml}$): Micafungin (0.008-8), Caspofungin (0.008-8), 5-Flucytosine (0.06-64), Posaconazole (0.008-8), Voriconazole (0.008-8), Itraconazole (0.015-16), Fluconazole (0.12-256), Anidulafungin (0.015-8), Amphotericin B (0.12-8). - số lượng: ≥ 10 khay/hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
309	Khay kháng sinh đồ Sensititre dành cho vi khuẩn Gram âm chứa Cefiderocol và các Betalactam mới	Hộp	100	Khay 96 giếng và được sử dụng trong chẩn đoán. - Mỗi khay được nhỏ liều kháng sinh ở độ pha loãng thích hợp và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. - Sử dụng phương pháp vi pha loãng để cung cấp kết quả nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) là giá trị MIC thực, không phải kết quả ngoại suy. - Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm - Thành phần kháng sinh: Amikacin, Aztreonam, Cefepime, Cefiderocol, Ceftazidime/Avibactam Constant 4, Ceftolozane/Tazobactam Constant 4, Colistin, Eravacycline, Fosfomycin+glucose-6-phosphate, Imipenem, Imipenem/Relebactam Constant 4, Meropenem, Meropenem/Vaborbactam Constant 8, Piperacillin/Tazobactam Constant 4, Positive Control.	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Tigecycline, Tobramycin Số lượng ≥ 10 khay/Hộp		
310	Canh thang cho nuôi cấy vi khuẩn Gram âm	Hộp	2	Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES Số lượng: ≥ 10 ống x 1 ml	Không yêu cầu	
311	Đầu phân phối dịch	Hộp	50	Đầu phân phối huyền dịch tự động cho 96 giếng trong khay định danh và kháng sinh đồ, giúp loại bỏ được các vấn đề phân phối huyền dịch thiếu hoặc sai Đóng gói: ≥ 100 cái/hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu môi trường giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
312	Môi trường thạch nẫu tìm cho sự phát triển của các vi sinh vật khó mọc	Hộp	4	Môi trường thạch giàu dinh dưỡng sử dụng nuôi cấy streptococci, Neisseria và các sinh vật khó mọc khác Thành phần tối thiểu bao gồm: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Proteose peptone, Sodium chloride, Glucose, Disodium phosphate, Agar, pH 7.4 ± 0.2 Khối lượng: ≥ 500 g/Hộp	Không yêu cầu	
313	Môi trường tạo màu cấy tiểu	Hộp	100	Một môi trường nuôi cấy sinh màu để định danh và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu (UTIs). Thành phần tối thiểu bao gồm (g/l): Peptone 15.0, Chromogenic mix 26.3, Agar 15.0 pH: 6.8 ± 0.2 tại 25°C Bảo quản: $10-30^{\circ}\text{C}$ Khối lượng: ≥ 400 g/Hộp	Không yêu cầu	
314	Môi trường phân biệt Enterobacteriaceae dựa vào sự lên men đường đôi và tạo H ₂ S	Hộp	5	Môi trường song đường Kligler Iron agar Thành phần tối thiểu bao gồm: Pepton mixtrure, Meat extract, Yeast extract, Lactose, Dextrose, Sodium chloride, Sodium thiosulphate, Ferric	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				ammonium citrate, Phenol red, Agar A, pH 7.4 (± 0.2 .) Khối lượng: ≥ 500 g/Hộp		
315	Môi trường nuôi cấy nấm	Hộp	70	Môi trường nuôi cấy nấm Thành phần bao gồm: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH 5.6 ± 0.2 Khối lượng: ≥ 500 g/Hộp	Không yêu cầu	
316	Môi trường phân lập chọn lọc Vibrios gây bệnh	Hộp	10	Môi trường Cholera Medium phân lập Vibrio Khối lượng: ≥ 500 g/Hộp	Không yêu cầu	
317	Môi trường đậu nành nuôi cấy đa năng nhiều loại sinh vật	Hộp	2	Môi trường thạch dinh dưỡng đậu nành Khối lượng: ≥ 500 g	Không yêu cầu	
318	Môi trường chọn lọc phân biệt để phân lập Salmonella và Shigella	Hộp	10	Môi trường chọn lọc để phân lập salmonellae và shigellae từ mẫu lâm sàng và thực phẩm - Khối lượng: ≥ 500 g/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
319	Test nhanh phát hiện đồng thời kháng nguyên NS1 và kháng thể IgG/IgM kháng virus Dengue	Hộp	2000	Test nhanh phát hiện đồng thời kháng nguyên NS1 và kháng thể IgG/IgM kháng virus Dengue.(nguyên lý sắc ký miễn dịch) - Mẫu xét nghiệm: máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - NSI: $\geq 90.0\%$ + Độ nhạy: $\geq 95.0\%$ + Độ đặc hiệu: $\geq 90.0\%$ - IgG/IgM: + Độ nhạy: $\geq 90.0\%$ + Độ đặc hiệu: $\geq 95.0\%$ (So sánh với phương pháp PCR/ RT-PCR/ Real-time PCR/ ELISA/ Miễn dịch tự động). - Không phản ứng chéo với ít nhất hai trong các loài thuộc họ Flavivirus lây truyền qua đường máu. - Đạt tiêu chuẩn ISO và CE hoặc tương đương.	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
320	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV 1 /2	Hộp	50	- Xét nghiệm định tính HIV 1/2 nguyên lý sắc ký miễn dịch - Mẫu xét nghiệm: huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: $\geq 99,5\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn ISO - Số test/ túi ≥ 25 test	Không yêu cầu	
321	Hoá chất xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum (TP)	Hộp	20	Sinh phẩm xét nghiệm miễn dịch sử dụng để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ Độ nhạy: 100%	Không yêu cầu	
322	Sinh phẩm xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng HDV hệ thống tự động	Hộp	5	Sinh phẩm xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng HDV Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc tương đương, gián tiếp, hai bước, định tính. Dải đo: Từ ≤ 0.1 - ≥ 30 AU/mL Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
323	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng HDV hệ thống tự động	Hộp	2	Dạng dung dịch, thành phần: - Chất kiểm chứng âm tính gồm: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể kháng HDV, ProClin 300. - Chất kiểm chứng dương tính gồm: Huyết thanh/huyết tương người phản ứng đối với kháng thể kháng HDV (đã bất hoạt), ProClin 300. Dung tích: ≥ 4 ml/Hộp	Không yêu cầu	
324	Sinh phẩm xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2 hệ thống tự động	Hộp	12	Xét nghiệm miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
325	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2 hệ thống tự động	Hộp	5	Dạng dung dịch. Thành phần: + Chất kiểm chứng âm tính gồm Huyết thanh/ huyết tương người “không phản ứng” với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG kháng HSV-1/2. + Chất kiểm chứng dương tính gồm Huyết thanh/ huyết tương người “phản ứng” với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG kháng HSV-1/2.	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
326	Xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Hộp	30	Xét nghiệm miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, gián tiếp, hai bước, định tính. Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
327	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Hộp	5	Dạng dung dịch Thành phần: chất kiểm chứng âm tính gồm Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng HSV, đệm muối phosphat (PBS), albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin 300. chất kiểm chứng dương tính gồm Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng HSV, đệm muối phosphat (PBS), albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin 300 Dung tích: $\geq 4,5$ ml/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
328	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgG với Chlamydia trachomatis - vi khuẩn gây bệnh lây nhiễm qua đường tình dục	Hộp	5	Xét nghiệm Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, gián tiếp, hai bước, bán định lượng. Dải đo: $\leq 5 - \geq 250$ AU/mL Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
329	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgG với Chlamydia trachomatis - vi khuẩn gây bệnh lây nhiễm qua đường tình dục	Hộp	2	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm Chlamydia trachomatis IgG Dạng dung dịch Dung tích: ≥ 3 ml/Hộp	Không yêu cầu	
330	Xét nghiệm định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với virus Varicella-zoster - Virus gây bệnh thủy đậu	Hộp	2	Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, gián tiếp, một bước, định lượng. Dải đo: $\leq 10 - \geq 4000$ mIU/ml Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
331	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgG với Chlamydia trachomatis - vi khuẩn gây bệnh lây nhiễm qua đường tình dục	Hộp	1	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm VZV IgG Dạng dung dịch Dung tích: $\geq 2,5$ ml/Hộp	Không yêu cầu	
332	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với virus Varicella-zoster - Virus gây bệnh thủy đậu	Hộp	6	Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, định tính	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				VZV IgM Số lượng xét nghiệm: ≥ 50 test/Hộp		
333	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với virus Varilla-zoster - Virus gây bệnh thủy đậu	Hộp	3	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm VZV IgM Dạng dung dịch Dung tích: $\geq 2,5$ ml/Hộp	Không yêu cầu	
334	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Mycoplasma pneumoniae- Vi khuẩn gây viêm phổi và viêm đường hô hấp	Hộp	4	Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, bán định lượng Mycoplasma pneumoniae IgG. Dải đo: từ $\leq 0,1$ - ≥ 200 AU/mL Số lượng xét nghiệm: ≥ 50 test/Hộp	Không yêu cầu	
335	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Mycoplasma pneumoniae- Vi khuẩn gây viêm phổi và viêm đường hô hấp	Hộp	2	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm Mycoplasma pneumoniae IgG Dạng dung dịch Dung tích: ≥ 2 ml/Hộp	Không yêu cầu	
336	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae- Vi khuẩn gây viêm phổi và viêm đường hô hấp	Hộp	4	Xét nghiệm Miễn dịch Hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc tương đương, định tính Mycoplasma Pneumoniae IgM. Dải đo: 0,1 - 25 index value	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Số lượng xét nghiệm: ≥ 50 test/Hộp		
337	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae- Vi khuẩn gây viêm phổi và viêm đường hô hấp	Hộp	2	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm Mycoplasma pneumoniae IgM Dạng dung dịch Dung tích: $\geq 2,5$ ml/Hộp	Không yêu cầu	
338	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Sởi	Hộp	2	Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, bán định lượng Measles IgG. Dãi đo: từ ≤ 5 - ≥ 300 AU/mL Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
339	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Sởi	Hộp	1	Dạng dung dịch. Thành phần: Chất kiểm chứng âm tính gồm huyết thanh người/ fibrin không phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi, ProClin 300, chất bảo quản. Chất kiểm chứng dương tính gồm huyết thanh người/ huyết tương người đã loại	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				fibrin phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi, ProClin 300, chất bảo quản Dung tích: $\geq 2,5\text{ml/Hộp}$		
340	Xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus Sởi	Hộp	10	Xét nghiệm Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, hai bước, định tính Measles IgM. Dải đo: từ $\leq 0,5$ - $\geq 4,0$ index value Số lượng xét nghiệm: ≥ 50 test/Hộp	Không yêu cầu	
341	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus Sởi	Hộp	6	Dạng dung dịch Bao gồm: Chất kiểm chứng âm tính gồm Huyết thanh người/ huyết tương người đã loại fibrin không phản ứng đối với kháng thể IgM kháng virus sởi, ProClin 300, chất bảo quản. Chất kiểm chứng dương tính gồm Kháng thể IgM kháng virus sởi, casein, albumin	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				huyết thanh bò (BSA), đệm phosphat, EDTA, chất tẩy rửa, chất bảo quản, chất nhuộm tro Dung tích: $\geq 2,5$ ml /Hộp		
342	Xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hộp	6	Xét nghiệm Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, định tính Mumps IgM. Dải đo: Từ $\leq 0,5$ - $\geq 4,0$ index value Số lượng xét nghiệm: ≥ 50 test/Hộp	Không yêu cầu	
343	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hộp	3	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm Mumps IgM Dạng dung dịch Dung tích: $\geq 2,5$ ml/Hộp	Không yêu cầu	
344	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hộp	1	Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, bán định lượng Mumps IgG. Dải đo: ≤ 5 - ≥ 300 AU/mL	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp		
345	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hộp	1	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm Mumps IgG Dạng dung dịch Dung tích: $\geq 2,5$ ml/Hộp	Không yêu cầu	
346	Xét nghiệm định tính xác định kháng nguyên của H.pylori - virus gây bệnh viêm dạ dày, ung thư dạ dày	Hộp	4	Xét nghiệm định tính xác định kháng nguyên của H.pylori - vi khuẩn gây bệnh viêm dạ dày, ung thư dạ dày bằng phương pháp phân tích tự động Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
347	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính xác định kháng nguyên của H.pylori - virus gây bệnh viêm dạ dày, ung thư dạ dày	Hộp	2	Chất kiểm chứng âm tính: dạng dung dịch Bao gồm Đệm phosphat, albumin huyết thanh bò (BSA), chất điện hoạt, ProClin và gentamicin sulfat. Chất kiểm chứng dương tính: dạng bột đông khô, bao gồm Kháng nguyên H. pylori trong phân, đệm phosphat, BSA, chất điện hoạt, ProClin và gentamicin sulfat Dung tích: ≥ 24 ml/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
348	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với khuẩn Hecolibacter pylori vi khuẩn gây viêm loét dạ dày tá tràng	Hộp	5	Xét nghiệm miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện tương phát quang hoặc tương đương, định tính H. pylori IgG. Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
349	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với khuẩn Hecolibacter pylori vi khuẩn gây viêm loét dạ dày tá tràng	Hộp	3	Dạng dung dịch Thành phần: + Chất kiểm chứng âm tính gồm huyết thanh người, ProClin và natri azid. + Chất kiểm chứng dương tính gồm huyết thanh người chứa kháng thể IgG kháng H. pylori, ProClin và natri azid Dung tích: $\geq 3,5$ ml/Hộp	Không yêu cầu	
350	Xét nghiệm định lượng IFN- γ - giúp hỗ trợ chẩn đoán nhiễm M. tuberculosis	Hộp	20	Miễn dịch Hóa phát quang hoặc vi hạt hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang hoặc tương đương, kẹp, hai bước, định lượng IFN- γ chẩn đoán nhiễm M. tuberculosis Số lượng xét nghiệm: ≥ 200 test/Hộp Dải đo: 0 - ≥ 10 IU/mL	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
351	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng IFN- γ - giúp hỗ trợ chẩn đoán nhiễm M. tuberculosis	Hộp	10	Dạng bột đông khô, thành phần: + Chất kiểm chứng mức 1 gồm: IFN- γ người tái tổ hợp, đệm HEPES, albumin huyết thanh bò (BSA), huyết thanh bò; ProClin; gentamicin sulfat. + Chất kiểm chứng mức 2 gồm: IFN- γ người tái tổ hợp (thu được từ E.coli), đệm HEPES, BSA, huyết thanh bò; ProClin; gentamicin sulfat. Dung tích: ≥ 8 ml /Hộp	Không yêu cầu	
352	Bộ ống đựng mẫu xét nghiệm Quantiferon	Hộp	20	Bộ ống đựng mẫu xét nghiệm Quantiferon	Không yêu cầu	
353	Đầu côn dùng một lần	Hộp	40	Đầu côn dùng một lần cho hệ thống miễn dịch tự động Số lượng: ≥ 576 tips/Hộp	Không yêu cầu	
354	Công phản ứng	Hộp	20	Công phản ứng cho hệ thống miễn dịch tự động Số lượng: ≥ 1800 cái/Hộp	Không yêu cầu	
355	Dung dịch rửa hệ thống, sử dụng để rửa giữa các xét nghiệm	Hộp	20	Dung dịch rửa hệ thống, sử dụng để rửa giữa các xét nghiệm cho hệ thống miễn dịch tự động Dung dịch đệm phosphate Dung tích: ≥ 6 lít/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
356	Dung dịch kiểm tra hệ thống	Hộp	5	Dung dịch kiểm tra hệ thống cho hệ thống miễn dịch tự động Dung tích: ≥ 24 ml/Hộp	Không yêu cầu	
357	Chất môi phản ứng	Hộp	10	Chất môi phản ứng cho hệ thống miễn dịch tự động Dạng dung dịch Thành phần: + Chất môi 1: chứa Chất xúc tác, dung dịch natri hydroxid + Chất môi 2: chứa Hydrogen peroxid Dung tích: ≥ 450 ml/Hộp	Không yêu cầu	
358	Dung dịch kiểm tra hệ thống, dùng cho máy tự động	Hộp	5	Dung dịch rửa, kiểm tra hệ thống miễn dịch tự động Thành phần bao gồm: dung dịch natri hypoclorit Dung tích: ≥ 35 ml/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu môi chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
359	Bộ kit định lượng HBV DNA trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương	Hộp	20	Hóa chất xét nghiệm khuếch đại acid nucleic in vitro để định lượng DNA vi rút viêm gan B (HBV) Thành phần chính: +Mangan acetate, kali hydroxide, natri azide + Đệm tricine, kali acetate, dimethyl sulfoxide, glycerol, Tween 20, EDTA, dATP, dCTP, dGTP, dUTP, các đoạn môi xuôi và môi ngược HBV, oligonucleotide aptamer, Z05D DNA polymerase (vi khuẩn), enzyme AmpErase (uracil-Nglycosylase) (vi khuẩn), natri azide + Đệm Tris, EDTA, cấu trúc không HBV chứa đoạn môi gắn kết không HBV và một vùng duy nhất cho đoạn dò (DNA không nhiễm), Poly rA RNA (tổng hợp) - Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Số lượng: ≥ 120 test/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
360	Bộ xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Colistin đối với 8 chủng vi khuẩn cho một lần chạy	Bộ	100	Khay 96 giếng và được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD), được nhỏ liều kháng sinh ở độ pha loãng thích hợp và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc, sử dụng phương pháp vi pha loãng để cung cấp kết quả nồng độ ức chế tối thiểu (MIC), là giá trị MIC thực. - Khay kháng sinh đồ cho phép chạy đồng thời 8 mẫu xét nghiệm kiểm tra nhạy kháng với Colistin - Thành phần kháng sinh (dài nồng độ - µg/ml): Colistin (0.12-128) x 8 hàng Số lượng ≥ 10 khay/Bộ	Không yêu cầu	
361	Môi trường nuôi cấy để xác định độ nhạy cảm của vi khuẩn đối với các chất kháng sinh	Hộp	30	Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES Số lượng: ≥ 100 ống x 1ml/Hộp	Không yêu cầu	
362	Sinh phẩm xét nghiệm định lượng HBsAg	Hộp	160	Sinh phẩm xét nghiệm định lượng HBsAg Khoảng đo: Từ $\leq 0,05$ đến ≥ 100 IU/ml cho mẫu không pha loãng Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
363	Sinh phẩm xét nghiệm định tính kháng nguyên và kháng thể kháng vi rút HIV	Hộp	350	Sinh phẩm xét nghiệm phát hiện định tính kháng nguyên và kháng thể kháng vi rút HIV (HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1) Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu lâm sàng: $\geq 99\%$ Độ lặp lại: $CV \leq 10\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 300 test/Hộp	Không yêu cầu	
364	Bộ thuốc thử khuếch đại cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV	Hộp	50	Sinh phẩm xét nghiệm đo tải lượng virus HBV có giếng thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia nhỏ phản ứng Số lượng xét nghiệm: ≥ 192 test/Hộp	Không yêu cầu	
365	Bộ mẫu chứng (control) cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV	Hộp	10	Bộ mẫu chuẩn (control) xét nghiệm đo tải lượng virus HBV có ống chứng dương, ống chứng âm Số lượng: ≥ 24 ống chứng dương, ≥ 12 ống chứng âm/Hộp	Không yêu cầu	
366	Bộ thuốc thử khuếch đại cho xét nghiệm đo tải lượng virus HCV	Hộp	15	Sinh phẩm xét nghiệm đo tải lượng virus HCV có giếng thuốc thử khuếch đại đồng khô và thuốc thử hoạt hóa dạng lỏng đã chia nhỏ	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Số lượng xét nghiệm: ≥ 192 test/Hộp		
367	Bộ mẫu chứng cho xét nghiệm đo tải lượng virus HCV	Hộp	10	Bộ mẫu chuẩn xét nghiệm đo tải lượng virus HCV, ống chứng dương, ống chứng âm Số lượng: ≥ 24 ống chứng dương, ≥ 12 ống chứng âm/Hộp	Không yêu cầu	
368	Bộ thuốc thử chiết tách DNA mẫu xét nghiệm	Bộ	14	Bộ thuốc thử chiết tách DNA mẫu xét nghiệm cho xét nghiệm đo tải lượng virus HBV Số lượng: ≥ 8 chai/Bộ	Không yêu cầu	
369	Dung dịch ly giải cho hệ thống PCR tự động	Chai	40	Dung dịch ly giải cho hệ thống PCR tự động Dung tích: ≥ 970 ml/Hộp	Không yêu cầu	
370	Hóa chất kiểm chứng (control) xét nghiệm định tính HAVAb IgM	Hộp	6	Chất kiểm chứng (control) cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương Bao gồm chất chứng ở các mức nồng độ khác nhau Dung tích: ≥ 8 ml/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
371	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	Hộp	700	Thẻ kháng sinh đồ NMIC phát hiện mức độ nhạy cảm với kháng sinh của các vi khuẩn Gram âm Có chứa các loại kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Phenicol, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist Số lượng: ≥ 25 thẻ/Hộp	Không yêu cầu	
372	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	Hộp	250	Thẻ kháng sinh đồ PMIC phát hiện mức độ nhạy cảm với kháng sinh của các vi khuẩn Gram dương Có chứa các loại kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides, Lincosamides, Streptogramins, Phenicol, Quinolone, Tetracycline, Fosfomycin, Fusidic acid, Oxazolidinone, Pseudomonas acid, Nitrofurantoin, Glycopeptide, Ketolide, Glycylcycline, Folate Antagonist Số lượng: ≥ 25 thẻ/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
373	Chai cấy máu hiệu khí người lớn	Hộp	500	Chai cấy máu hiệu khí, có bổ sung hoạt chất hấp phụ kháng sinh, dùng cấy máu cho người lớn Bao gồm: nước đã qua xử lý, Canh trường Soybean-Casein Digest, Cao nấm men, Amino axit, Đường, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), Vitamins, Chất oxi hóa/ Khử, Nonionic Adsorbing Resin, Cationic Exchange Resin, có bổ sung thêm CO ₂ . Số lượng: ≥ 50 chai/Hộp	Không yêu cầu	
374	Chai cấy máu trẻ em	Hộp	60	Chai cấy máu có bổ sung hoạt chất hấp phụ kháng sinh, dùng cấy máu cho trẻ em Bao gồm: nước đã qua xử lý, Canh trường Soybean-Casein Digest, Cao nấm men, Mô Động vật, Sodium Pyruvate, Dextrose, Sucrose, Hemin, Menadione, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), Pyridoxal HCl (Vitamin B6), Nonionic Adsorbing Resin, Cationic Exchange Resin, có bổ sung thêm CO ₂ . Số lượng: ≥ 50 chai/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
375	Canh trường kháng sinh đồ	Hộp	500	Ổng môi trường làm kháng sinh đồ tự động cho vi khuẩn Gram dương và Gram âm dễ nuôi cấy Bao gồm: Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80 Số lượng: ≥ 100 ống/Hộp	Không yêu cầu	
376	Kit xét nghiệm giun lươn	Hộp	160	Bộ sinh phẩm ELISA xác định Strongyloides IgG Độ nhạy 100 % Độ đặc hiệu 100% Số lượng xét nghiệm: ≥ 96 test/Hộp	Không yêu cầu	
377	Kit xét nghiệm sán dải heo loại IgG	Hộp	80	Bộ sinh phẩm ELISA xác định Cysticercosis IgG Độ nhạy ≥ 88 % Độ đặc hiệu ≥ 95 % Số lượng xét nghiệm: ≥ 96 test/Hộp	Không yêu cầu	
378	Sinh phẩm phát hiện kháng thể IgM kháng giun tròn chuột	Hộp	30	Sinh phẩm phát hiện kháng thể IgM kháng giun tròn chuột. Phát hiện được kháng thể IgM kháng <i>Angiostrongylus</i> trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Số lượng xét nghiệm: ≥ 96 test	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
379	Kit xét nghiệm sản dài chó	Hộp	100	Bộ sinh phẩm ELISA xác định Echinococcus IgG Độ nhạy $\geq 95\%$ Độ đặc hiệu $\geq 90\%$ Số lượng xét nghiệm: ≥ 96 test./Hộp	Không yêu cầu	
380	Khay colistin vi pha loãng	Hộp	100	Bao gồm - Đĩa chứa hóa chất chính - Mỗi đĩa chứa 8 dải có 12 giếng mỗi dải, tách rời từng dải - Đĩa đầy và khuôn - Dao Số lượng: ≥ 40 test/Hộp	Không yêu cầu	
381	Sinh phẩm chẩn đoán giang mai (TPHA Kit)	Test	3000	Sinh phẩm chẩn đoán kháng thể đặc hiệu (IgM và IgG) kháng Treponema pallidum	Không yêu cầu	
382	Kit xét nghiệm vi khuẩn lao kháng RIF	Hộp	500	Kit xét nghiệm phát hiện đồng thời DNA của vi khuẩn lao và vi khuẩn lao kháng RIF Độ nhạy: $\geq 99\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ Số lượng: ≥ 10 test/Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
383	Bộ kit ELISA phát hiện kháng nguyên Aspergillus Galactomannan	Hộp	5	Bộ kit ELISA phát hiện kháng nguyên Aspergillus Galactomannan, bao gồm: - Đĩa 96 giếng đã gắn kháng thể kháng Galactomannan - 2 lọ Huyết thanh chứng âm - 2 lọ Huyết thanh chứng cut off - 2 lọ Huyết thanh chứng dương - 1 lọ Phức hợp - 1 lọ Tác nhân tách mẫu A - 1 lọ Tác nhân tách mẫu B - 1 lọ Dung dịch rửa cô đặc 20X - 1 lọ Dung dịch cơ chất PMB - 1 lọ Dung dịch hãm Số lượng: ≥ 96 test/Hộp	Không yêu cầu	
384	Test nhanh phát hiện Kháng nguyên Aspergillus Galactomannan	Hộp	10	Bộ kit test nhanh phát hiện kháng nguyên Aspergillus Galactomannan, bao gồm: - từng túi đóng gói chứa cassette - 4 lọ x 2.5 ml Dung dịch xử lý mẫu - 1 lọ x 2.0ml Huyết thanh chứng âm - 1 lọ x 2.0ml Huyết thanh chứng dương Số lượng: ≥ 50 test /Hộp	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
385	Môi trường chọn lọc phân biệt coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose với sự ức chế của vi khuẩn Gram dương	Hộp	50	Môi trường chọn lọc phân biệt coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose với sự ức chế của vi khuẩn Gram dương. Thành phần bao gồm: Peptone, Lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal violet, Agar, pH 7.1 ± 0.2 Khối lượng: ≥ 500 g/Hộp	Không yêu cầu	
386	Sinh phẩm xét nghiệm Realtime PCR phát hiện các chủng vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis	Hộp	120	Sinh phẩm xét nghiệm Realtime PCR phát hiện các chủng vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis (M. tuberculosis, M. africanum, M. bovis, M. microti, M. canettii, M. pinnipedi, M. caprae, M. orygis, M. mungi và chủng vaccine Bacillus Calmette-Guérin, BCG) + Độ nhạy ≥ 95%; Độ đặc hiệu: 100% Số lượng xét nghiệm: ≥ 100 test/Hộp	Không yêu cầu	
387	Dải 8 ống LC (trong suốt)	Hộp	9	Dây 8 giếng PCR của máy xét nghiệm sinh hóa loại trong suốt	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu môi chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
388	Chai cấy máu kỹ khí nắp cam	Hộp	150	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, chứa môi trường và hạt polime hấp phụ, phát hiện được vi khuẩn kỵ khí từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể Số lượng: ≥ 100 chai/Hộp	Không yêu cầu	
389	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Dengue NS1	Hộp	1000	- Test phát hiện được kháng nguyên virus Dengue NS1 (nguyên lý sắc ký miễn dịch) - Mẫu xét nghiệm: máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - Độ nhạy: $\geq 90.0\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98.0\%$ (So sánh với phương pháp PCR/ RT-PCR/ Real-time PCR/ ELISA/ Miễn dịch tự động). - Số lượng ≥ 25 test/Hộp - Đạt tiêu chuẩn ISO và CE hoặc tương đương.	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
390	Test nhanh phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng virus Dengue	Hộp	700	- Test xét nghiệm phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue. (nguyên lý sắc ký miễn dịch) - Mẫu xét nghiệm: huyết thanh hoặc huyết tương. - Độ nhạy: $\geq 90.0\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 95.0\%$ - Không phản ứng chéo với ít nhất hai trong các loài thuộc họ Flavivirus lây truyền qua đường máu. (So sánh với phương pháp ELISA/ Miễn dịch tự động). - Đạt tiêu chuẩn ISO và CE hoặc tương đương.	Không yêu cầu	
391	Cồn tuyệt đối	lít	1200	Cồn tuyệt đối nồng độ $\geq 99,5\%$	Không yêu cầu	
392	Acid nitric	lít	20	Acid nitric	Không yêu cầu	
393	Acid periodic	lọ	12	Acid periodic dạng bột	Không yêu cầu	
394	Bình xịt làm lạnh nhanh (dùng trong cất lạnh)	chai	50	Dùng trong cất lạnh, làm lạnh nhanh mẫu bệnh phẩm	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
395	Kháng thể đơn dòng kháng IDH-1	Lọ	3	Kháng thể đơn dòng kháng IDH-1 Chiết xuất từ: Chuột hoặc thỏ Số lượng: ≥ 50 test/Lọ	Không yêu cầu	
396	Kháng thể đơn dòng kháng IDH-2	Lọ	3	Kháng thể đơn dòng kháng IDH-2 Chiết xuất từ: Chuột hoặc thỏ Số lượng: ≥ 50 test/Lọ	Không yêu cầu	
397	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin	Lọ	3	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin Chiết xuất từ: Chuột hoặc thỏ Dạng: Đậm đặc Dung tích ≥ 1 ml/Lọ	Không yêu cầu	
398	Bộ khuếch đại tín hiệu cho bộ phát hiện Hóa mô miễn dịch màu nâu tăng cường trên máy nhuộm hóa mô miễn dịch	Hộp	4	Hóa chất dùng cho máy nhuộm Hóa mô miễn dịch tự động Số lượng: ≥ 200 test/Hộp	Không yêu cầu	
399	Bộ phát hiện màu Hóa mô miễn dịch loại tăng cường trên máy nhuộm hóa mô miễn dịch	Hộp	5	Hóa chất dùng cho máy nhuộm Hóa mô miễn dịch tự động Số lượng: ≥ 200 test	Không yêu cầu	
400	Bộ hóa chất nhuộm Jones trên máy nhuộm tự động	Hộp	10	Hóa chất dùng cho máy nhuộm đặc biệt tự động Số lượng: ≥ 30 test	Không yêu cầu	
401	Hóa chất rửa và diệt khuẩn quả lọc (màng lọc) và màng RO	Lít	1620	Hóa chất rửa và diệt khuẩn quả lọc (màng lọc) và màng RO Nồng độ Peracetic: trong khoảng 4,5% đến 5,0% Nồng độ Hydrogen peroxide:	Không yêu cầu	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Xuất xứ	Yêu cầu khác
				Trong khoảng 19% đến 27% Nồng độ Acetic: Trong khoảng 7,5% đến 15%		

